



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 53

Ngày 15 tháng 11 năm 2015

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 02-10-2015- Quyết định số 4887/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị Trung ương 8 - Khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 3
- 03-10-2015- Quyết định số 4891/QĐ-UBND về duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường 15, quận Tân Bình (khu đất ký hiệu số 10 thuộc phân khu X). 27

- 03-10-2015- Quyết định số 4892/QĐ-UBND về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư và công viên Phước Thiện, phường Long Bình và phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9. 32
- 05-10-2015- Quyết định số 4928/QĐ-UBND về thành lập Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Sở Y tế. 42
- 08-10-2015- Quyết định số 4987/QĐ-UBND về duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu A - Khu đô thị mới Nam Thành phố. 47
- 10-10-2015- Quyết định số 5078/QĐ-UBND về việc ban hành mẫu Phiếu trình và sắp xếp thành phần tài liệu trong hồ sơ trình duyệt, trình ký hồ sơ tại các cơ quan, tổ chức. 55
- 14-10-2015- Quyết định số 5117/QĐ-UBND về duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tại phường Phú Mỹ, Quận 7. 60

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4887/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị Trung ương 8 - Khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục ngày 04 tháng 12 năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực Nghị quyết 29-NQ/TW Hội nghị Trung ương 8 - Khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

Căn cứ Chương trình hành động số 46-CTrHĐ/TU ngày 21 tháng 6 năm 2015 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị Trung ương 8 - Khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu

cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo Tại Tờ trình số 3135/TTr-GDDT ngày 29 tháng 9 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị Trung ương 8 - Khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở, ngành Thành phố có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về thực hiện
Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị Trung ương 8 - Khóa XI về
“Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu
công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường
định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4887/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Sau 21 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Khóa VII về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo; giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được những thành tựu to lớn, nâng cao dân trí góp phần vào những thành tựu chung của Thành phố. Mạng lưới trường lớp ở các ngành học, bậc học đã được phủ khắp 322/322 xã - phường, thị trấn của 24 quận - huyện với quy mô phát triển ngày một tăng; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và học tập được đầu tư trang bị, đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên của ngành ngày càng lớn mạnh đáp ứng yêu cầu từ quy mô đến chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu; trình độ chuyên môn nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị, đạo đức lối sống, lương tâm nghề nghiệp được nâng cao. Công tác quản lý của ngành tích cực, hiệu quả; công nghệ thông tin trong nhà trường được đầu tư phát triển; việc đổi mới trong công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh được triển khai thực hiện mạnh mẽ; công tác chỉ đạo và tổ chức thi cử, tuyển sinh nghiêm túc, khoa học, công bằng, ngày càng được sự tín nhiệm của học sinh và phụ huynh. Chất lượng giáo dục từng bước được nâng cao, khoảng cách giữa giáo dục nội thành và ngoại thành được thu hẹp.

Việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực được các trường triển khai, bước đầu có kết quả tốt; phong trào học sinh nghiên cứu khoa học được nhiều thầy giáo, cô giáo và học sinh quan tâm; giáo dục kỹ năng sống cho học sinh được chú trọng. Từ năm 1995, Thành phố đã đạt mục tiêu xoá mù chữ và phổ cập giáo dục bậc tiểu học; năm 2002, hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở, năm 2008 đạt chuẩn phổ cập bậc trung học (theo chuẩn của thành phố) và năm 2013 hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; điều này, đã góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo tại Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Những mặt được

- Nhận thức của hệ thống chính trị và xã hội về vai trò quan trọng của giáo dục - đào tạo trong sự nghiệp phát triển đất nước và Thành phố không ngừng được củng cố. Thành phố ban hành nhiều chỉ thị, kế hoạch thường xuyên rà soát việc thực hiện các mục tiêu giáo dục - đào tạo trên địa bàn; tiến hành sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị về giáo dục - đào tạo để tiếp tục định hướng chỉ đạo phát triển; mỗi năm Thành phố dành trên 25% trong tổng chi ngân sách Thành phố cho giáo dục - đào tạo.

- Ngành giáo dục và đào tạo Thành phố đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hiệu quả phát triển giáo dục - đào tạo trên địa bàn, phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành liên quan, cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và ban ngành đoàn thể địa phương để thực hiện hiệu quả giáo dục kết hợp 3 môi trường: gia đình - nhà trường và xã hội; giải quyết kịp thời những điều kiện cần thiết phục vụ công tác giáo dục trên địa bàn.

- Ý thức tự đào tạo của người dân và sự hỗ trợ của xã hội trong công tác giáo dục - đào tạo chuyên biến rõ nét. Mạng lưới Hội khuyến học các cấp phát triển rộng rãi, góp phần hiệu quả vào việc xây dựng xã hội học tập thông qua nhiều chương trình học bổng hỗ trợ học sinh, sinh viên nghèo hiếu học; phát triển các trung tâm học tập cộng đồng đáp ứng được nhu cầu nâng cao kiến thức nhiều mặt cho người dân.

- Quy mô và mạng lưới các cấp học được đầu tư phát triển đồng bộ. Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học trên địa bàn Thành phố tăng dần hàng năm (bình quân trên 2.000 tỷ đồng, riêng năm 2015, dự kiến bố trí: 2.800 tỷ đồng). Quy hoạch hệ thống giáo dục phổ thông, dạy nghề, giáo dục thường xuyên, quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn Thành phố bước đầu đạt kết quả thiết thực. Hàng năm đã đưa vào sử dụng trên 1.500 phòng học mới (đặc biệt năm 2015 dự kiến đưa vào sử dụng 2.557 phòng học mới), đảm bảo chỗ học cho con em nhân dân (với quy mô học sinh tăng bình quân 60.000 em mỗi năm, riêng

năm 2015 tăng gần 85.000 học sinh), thực hiện tốt phổ cập giáo dục từ các quận trung tâm đến huyện ngoại thành của Thành phố.

- Chất lượng và hiệu quả giáo dục - đào tạo có nhiều chuyển biến tích cực. Các ngành học mầm non, tiểu học, trung học và bậc đại học đều có những bước phát triển nhanh về quy mô; học vấn trung bình của người dân Thành phố được nâng lên rõ rệt. Các trường đại học đã và đang tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất; gắn công tác đào tạo với nghiên cứu khoa học, chuyển giao và ứng dụng công nghệ vào sản xuất và đời sống; mở rộng đào tạo nhiều ngành nghề mới, mở rộng hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố. Chương trình đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ của Thành phố đã có kết quả bước đầu, nhiều học viên hoàn thành chương trình đào tạo được bố trí công tác, trong đó có nhiều cán bộ trẻ được bổ nhiệm chức vụ trưởng, phó phòng tại các sở - ngành, quận - huyện.

- Đội ngũ sư phạm được quy tụ và củng cố mạnh từ số lượng đến chất lượng. Số lượng giáo viên đạt chuẩn và vượt chuẩn cao, tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo hướng dạy học cá thể thay cho dạy học số đông, chăm sóc tốt từng học sinh trong quá trình dạy học, đảm bảo giảng dạy đủ môn theo chương trình quy định. Công tác quản lý nhà trường được đổi mới tích cực theo hướng chuyên nghiệp, hội nhập với khu vực và quốc tế, sử dụng tốt công nghệ thông tin, tinh giản bộ máy và chuẩn hóa nhà trường.

- Công bằng trong giáo dục - đào tạo luôn được quan tâm. Thành phố đã ưu tiên đầu tư, tập trung xây dựng mới và nâng cấp các cơ sở giáo dục đào tạo vùng ven và các huyện; phát động phong trào giúp đỡ, hỗ trợ đối với các trường thuộc địa bàn khó khăn ở ngoại thành; thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi đối với cán bộ, giáo viên công tác tại các xã thực sự khó khăn và chế độ đối với học sinh, sinh viên thuộc đối tượng chính sách, bộ đội xuất ngũ; tích cực chăm lo, tạo điều kiện cho nhiều trẻ em lang thang được nuôi dưỡng, học tập, khám chữa bệnh miễn phí.

- Thành phố Hồ Chí Minh là nơi thu hút mạnh mẽ các nguồn đầu tư trên mọi lĩnh vực, trong đó có giáo dục - đào tạo. Quá trình hội nhập với trào lưu đổi mới mạnh mẽ trong giáo dục - đào tạo đang diễn ra ở quy mô toàn cầu, tạo cơ hội thuận lợi để ngành giáo dục - đào tạo của Thành phố có thể nhanh chóng tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, những mô hình giáo dục hiện đại, tận dụng các kinh nghiệm của các quốc gia để đổi mới và phát triển, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nước

ta với các nước khác. Hợp tác quốc tế được mở rộng, tạo điều kiện tăng đầu tư của các nước, các tổ chức quốc tế và các doanh nghiệp nước ngoài, tăng nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo, tạo thời cơ để phát triển giáo dục - đào tạo.

2. Những hạn chế, tồn tại

- Hội nhập quốc tế không chỉ tạo cho giáo dục - đào tạo cơ hội phát triển mà còn chứa đựng nhiều thách thức. Năng lực quản lý đối với giáo dục thiếu nhiều chính sách và giải pháp thích hợp để định hướng và giám sát chặt chẽ các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài. Sự phân hóa trong xã hội có chiều hướng gia tăng, có thể làm tăng tình trạng bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục đào tạo giữa nội thành và ngoại thành; giữa các đối tượng người học.

- Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế đòi hỏi phải có đủ nhân lực có trình độ; trong khi đó, cơ cấu đội ngũ lao động qua đào tạo chưa hợp lý, nhu cầu nhân lực qua đào tạo ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng với cơ cấu hợp lý tạo nên sức ép rất lớn đối với giáo dục - đào tạo của Thành phố.

- Đào tạo sư phạm chậm đổi mới, quan điểm sư phạm dạy cho số đông với phương pháp dạy học từ chương, khoa bảng vẫn còn ảnh hưởng sâu đậm trong nhà trường; dạy “chữ” đối phó với thi cử được chú trọng nhiều hơn dạy “người”.

- Tiến độ xây dựng trường lớp theo quy hoạch tuy có phát triển nhưng chưa đáp ứng yêu cầu tăng dân số cơ học, học sinh nhập cư hàng năm tăng nhanh. Sĩ số học sinh trong lớp còn cao, số lớp học 2 buổi/ngày còn ít, mạng lưới trường học thiếu cân đối.

- Mức thu nhập của đội ngũ giáo viên, cán bộ, nhân viên ngành giáo dục và đào tạo còn thấp so với mặt bằng giá cả của Thành phố.

- Việc xây dựng xã hội học tập chưa thu hút rộng rãi mối quan tâm của xã hội, chưa tạo được sự chuyển biến, đặc biệt đối với các doanh nghiệp trong việc chủ động tổ chức đào tạo tại chỗ và tạo điều kiện cho công nhân học tập.

- Mối quan hệ giữa nhà trường và gia đình chưa chặt chẽ, nhận thức người dân một số chủ trương của ngành giáo dục - đào tạo còn hạn chế.

Kế thừa và phát huy những thành quả đạt được, khắc phục những hạn chế, tồn tại, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động số 46-CTrHĐ/TU ngày 21 tháng 6 năm 2015 của Thành ủy về thực

hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị Trung ương 8 - Khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, như sau:

PHẦN THỨ HAI
MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỔI MỚI CĂN BẢN,
TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG
NGUỒN NHÂN LỰC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI
HÓA ĐẤT NƯỚC VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm tạo chuyên môn mạnh mẽ chất lượng và hiệu quả giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố; xác định giáo dục và đào tạo là động lực quan trọng để Thành phố phát triển bền vững; phấn đấu đến năm 2020, hệ thống giáo dục - đào tạo Thành phố được chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa, hội nhập với các nền giáo dục tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng hiện đại đáp ứng chuẩn giáo dục quốc tế; phát huy tốt năng lực sáng tạo của người học; chú trọng giáo dục lối sống, nhân cách, đạo đức, lý tưởng và truyền thống cách mạng, ý chí kiên cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng Thành phố thành trung tâm giáo dục - đào tạo chất lượng cao của cả nước và khu vực Đông Nam Á. Bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển giáo dục và chất lượng giáo dục. Xây dựng xã hội học tập, khuyến khích, tạo điều kiện công bằng và thuận lợi để mọi người dân Thành phố được học tập suốt đời. Xây dựng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội và hội nhập quốc tế của Thành phố.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Ngân sách Thành phố đảm bảo chi thường xuyên hàng năm đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

b) Đến cuối năm 2020, 100% các trường học trên địa bàn Thành phố đạt chuẩn Quốc gia về tiêu chí cơ sở vật chất; có 300 phòng học/10.000 người dân trong độ tuổi

từ 3 tuổi đến 18 tuổi (kể cả người dân không có hộ khẩu thường trú hoặc KT3); ở từng quận, huyện mỗi bậc học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở có ít nhất 3 trường; có 2 trường trung học phổ thông đạt trường tiên tiến theo xu thế hội nhập.

c) Bảo đảm đầy đủ số lượng cán bộ quản lý, giáo viên theo chuẩn quy định ở các cấp học, ngành học. Đến năm 2020 có 50% giáo viên các cấp đạt trình độ trên chuẩn.

d) 100% phường - xã, thị trấn có Trung tâm học tập cộng đồng hoạt động hiệu quả.

e) Đến năm 2020 có 100% cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên được đánh giá ngoài và công nhận mức chất lượng giáo dục; đạt diện tích bình quân từ 8 đến 10 m²/học sinh.

g) Năm học 2015 - 2016: mở rộng việc giữ trẻ từ 6 tháng đến 18 tháng tuổi ở 12 quận, huyện; cuối năm 2016 có 80% trẻ 3 đến 4 tuổi học mẫu giáo, 100% trẻ 5 tuổi ra lớp mẫu giáo; đảm bảo 96% trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non không bị suy dinh dưỡng; 80% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày, 35% học sinh trung học cơ sở và 25% học sinh trung học phổ thông được học 2 buổi/ngày; 99% số người trong độ tuổi 11 đến 14 tuổi được học trung học cơ sở; 50% học sinh từ 6 tuổi được học tiếng Anh, được trang bị đủ 4 kỹ năng (nghe, đọc, nói, viết) theo chuẩn đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ; 25% học sinh phổ thông đạt được trình độ theo chuẩn quốc tế; tỷ lệ phân luồng sau trung học cơ sở vào giáo dục nghề nghiệp là 20%; 30% học sinh phổ thông tham gia nghiên cứu khoa học. Thu hút được 20% số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào giáo dục nghề nghiệp, có 70% người lao động đã qua đào tạo (trong đó trình độ trung cấp trở lên đạt 30%). 80% các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn Thành phố đạt chuẩn cơ bản theo quy định (có 05 trường và các khoa chuyên ngành đạt kiểm định trong khu vực ASEAN). Trình độ học vấn bình quân của người dân đạt lớp 10; tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi 15 đến 60 là 99%, 99,9% người trong độ tuổi 15 đến 35 biết chữ; 100% số xã - phường, thị trấn có Trung tâm học tập cộng đồng;

h) Giai đoạn 2016 - 2018: mở rộng việc giữ trẻ từ 6 tháng đến 18 tháng tuổi ở 24/24 quận, huyện; cuối năm 2016 có 90% trẻ 3 - 4 tuổi học mẫu giáo, 100% trẻ 5 tuổi ra lớp mẫu giáo; đảm bảo 97% trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non không bị suy dinh dưỡng. 90% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày, 40% học sinh trung học cơ sở và 30% học sinh trung học phổ thông được học 2 buổi/ngày; 99% số người

trong độ tuổi 11 đến 14 tuổi được học trung học cơ sở; 70% học sinh từ 6 tuổi được học tiếng Anh, được trang bị đủ 4 kỹ năng (nghe, đọc, nói, viết) theo chuẩn đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ; 40% học sinh phổ thông đạt được trình độ theo chuẩn quốc tế; tỷ lệ phân luồng sau trung học cơ sở vào giáo dục nghề nghiệp là 25%; 50% học sinh phổ thông tham gia nghiên cứu khoa học. Thu hút được 25% số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào giáo dục nghề nghiệp, có 75% người lao động đã qua đào tạo (trong đó trình độ trung cấp trở lên đạt 35%). 90% các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn Thành phố đạt chuẩn cơ bản theo quy định (có 10 trường và các khoa chuyên ngành đạt kiểm định trong khu vực ASEAN. Trình độ học vấn bình quân của người dân đạt lớp 11; tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi 15 đến 60 là 99,5%; 99,9% người trong độ tuổi 15 đến 35 biết chữ; 100% số xã - phường, thị trấn có Trung tâm học tập cộng đồng;

i) Đến năm 2020 có 100% trẻ từ 3 tuổi học mẫu giáo; 100% trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non không bị suy dinh dưỡng. 100% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày, 65% học sinh trung học cơ sở và 40% học sinh trung học phổ thông được học 2 buổi/ngày; 100% số người trong độ tuổi được học trung học cơ sở; 100% học sinh được học tiếng Anh, được trang bị đủ 4 kỹ năng (nghe, đọc, nói, viết), đạt được trình độ chuẩn đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Quyết định số 1400/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; tỷ lệ phân luồng sau trung học cơ sở vào giáo dục nghề nghiệp là 35%; 70% học sinh phổ thông tham gia nghiên cứu khoa học. Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục bậc trung học ở 100% các quận, huyện. Thu hút 35% số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào giáo dục nghề nghiệp, có 80% người lao động đã qua đào tạo (trong đó trình độ trung cấp trở lên đạt 40%). 100% các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn Thành phố đạt chuẩn cơ bản theo quy định (có 15 trường và các khoa chuyên ngành đạt kiểm định trong khu vực ASEAN. Đến cuối năm 2020, có 90% người trong độ tuổi được học hết lớp 12 và các bằng cấp tương đương; tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi 15 đến 60 là 99,8%, 100% người trong độ tuổi 15 đến 35 biết chữ.

II. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Tiếp tục phát huy và không ngừng nâng cao hiệu quả cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” theo Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Bộ Chính trị; nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, đạo đức

trong lực lượng sư phạm và trong sinh viên, học sinh, tích cực phát huy truyền thống yêu nước, chấp hành tốt luật pháp, tinh thần trách nhiệm cao với công việc, với bản thân và với cộng đồng; nâng cao chất lượng hiệu quả của phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

2. Không ngừng nâng cao chất lượng chuyên môn, giáo dục toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội, luôn xứng đáng là trung tâm về giáo dục và đào tạo cả nước và khu vực, là đơn vị dẫn đầu của cả nước về giáo dục và đào tạo. Từng cấp học, ngành học cần có kế hoạch tích cực, cụ thể và khả thi để thực hiện nghiêm túc, đạt hiệu quả cao các yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo đề ra. Từng đơn vị trường học cần có quyết tâm cao, đoàn kết, sáng tạo để vượt khó hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục và đào tạo, phấn đấu đảm bảo chất lượng năm sau cao hơn năm trước.

3. Tích cực đổi mới quản lý, nâng cao tính chuyên nghiệp của nhà trường, đủ sức đóng vai trò chủ đạo trong hệ thống giáo dục quốc dân thời hội nhập, không ngừng củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập bậc trung học, thực hiện phổ cập tin học và ngoại ngữ cho tất cả học sinh, từng bước xây dựng nhà trường hiện đại. Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý tài chính, giao quyền tự chủ cho các trường công lập, khuyến khích các trường công lập khai thác phương thức hoạt động theo hướng cung ứng dịch vụ, tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh bằng chất lượng hiệu quả đào tạo.

4. Tích cực thúc đẩy quy trình xây dựng trường lớp, góp phần quan trọng phục vụ yêu cầu học tập ngày càng cao của con em nhân dân và tiến trình hội nhập phát triển của xã hội. Đẩy mạnh hơn nữa công tác xã hội hóa giáo dục, tranh thủ các nguồn lực xã hội đóng góp tự nguyện, hợp pháp cho việc trang bị, xây dựng cơ sở vật chất cho các trường học, nhất là các địa phương còn nhiều khó khăn; vận động các tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm, các đơn vị kinh tế, các mạnh thường quân hỗ trợ học sinh nghèo, con em diện chính sách xã hội, các đối tượng phổ cập giáo dục, đảm bảo trẻ em được đi học, được chăm sóc, được hưởng các chế độ công bằng bình đẳng và mọi cơ hội trong giáo dục. Tạo điều kiện thuận lợi, đáp ứng nhu cầu học tập cho con em nhân dân, nhất là nhu cầu học tập tin học, ngoại ngữ, xây dựng xã hội học tập trên địa bàn Thành phố.

5. Tích cực đổi mới cơ chế quản lý nhà trường, không ngừng nâng cao phẩm chất và năng lực của đội ngũ, đảm bảo điều kiện tốt cho lực lượng sư phạm phát triển mạnh về quy mô và chất lượng. Mỗi thầy cô giáo không ngừng nâng cao lòng yêu

nghề, tinh thần tự học và sáng tạo trong quá trình tổ chức hướng dẫn học sinh học tập. Đổi mới quản lý để đổi mới nhà trường theo hướng hiện đại hóa chất lượng và phù hợp với cơ chế hoạt động của xã hội. Đổi mới từ tư duy đến cơ chế hoạt động và năng lực thực hiện của từng thành viên trong bộ máy quản lý nhà trường. Nhân rộng và khen thưởng thỏa đáng những điển hình đổi mới hiệu quả. Đào tạo, bồi dưỡng nâng chuẩn cán bộ quản lý giáo dục và chuẩn nghề nghiệp cho giáo viên các cấp.

6. Đẩy mạnh giao lưu quốc tế nhằm thu hút đầu tư, giao lưu hợp tác, trao đổi kinh nghiệm, học tập lẫn nhau giữa các nước trong khu vực và các nước có nền giáo dục phát triển nổi bật. Củng cố và quản lý có hiệu quả các trường quốc tế và các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài. Xây dựng và khuyến khích các mô hình giáo dục tiên tiến, hiện đại, hiệu quả đang là xu hướng phát triển đáp ứng đòi hỏi của Thành phố trong thời kỳ hội nhập.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Đổi mới mạnh mẽ, sâu sắc tư duy giáo dục, tăng cường vai trò của Đảng và Nhà nước đối với quá trình đổi mới giáo dục và đào tạo

- Đổi mới tư duy giáo dục một cách nhất quán, từ khâu quán triệt đến tổ chức thực hiện các quan điểm, đường lối và chủ trương phát triển giáo dục của Đảng; từ nhận thức mục tiêu giáo dục đến nhận thức về các giải pháp, điều kiện đảm bảo để tạo chuyển biến căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo Thành phố.

- Nhận thức đúng, đầy đủ về vị trí, vai trò của giáo dục và đào tạo đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ đất nước và phát triển con người; nhận thức về các nguyên lý giáo dục, mục tiêu giáo dục toàn diện; nhận thức về việc phải chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế về giáo dục; nhận thức đúng về giáo dục trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; vai trò quyết định của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đối với chất lượng giáo dục.

- Đổi mới mạnh mẽ công tác thông tin và truyền thông để thống nhất về nhận thức, tạo sự đồng thuận và huy động sự tham gia của toàn xã hội vào công cuộc đổi mới và phát triển giáo dục. Tăng cường đầu tư, đẩy mạnh hoạt động phối hợp để phát triển kênh truyền hình giáo dục nhằm tuyên truyền về các hoạt động đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

- Nâng cao vai trò và trách nhiệm của hệ thống Đảng và chính quyền trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, đồng bộ đối với sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn

diện giáo dục và đào tạo.

- Đổi mới toàn diện nhà trường, xây dựng các mô hình trường học tiên tiến theo xu thế hội nhập quốc tế.

2. Tăng cường công tác giáo dục toàn diện học sinh, sinh viên

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả, sáng tạo việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Bộ Chính trị gắn với đặc thù của ngành là thực hiện cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”, phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” và chủ đề tư tưởng “Sống có trách nhiệm” của ngành giáo dục và đào tạo Thành phố; tích cực phát hiện, giới thiệu, tuyên dương các điển hình học sinh tiêu biểu Thành phố.

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục truyền thống, giáo dục đạo đức, lối sống; tinh thần yêu nước; tăng cường công tác quản lý, phối hợp đảm bảo an ninh, trật tự trường học, phòng chống tội phạm, bạo lực, tệ nạn xã hội trong học sinh, sinh viên. Triển khai Chương trình hành động của ngành giáo dục về phòng chống tác hại của trò chơi trực tuyến có nội dung bạo lực, không lành mạnh giai đoạn 2015 - 2020. Xây dựng trường học an toàn, phòng tránh tai nạn thương tích, chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Triển khai kế hoạch hành động của ngành giáo dục thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng chống giảm nhẹ thiên tai giai đoạn 2011 - 2020, Chương trình phòng chống HIV/AIDS giai đoạn 2012 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục nghệ thuật; đổi mới mạnh mẽ công tác giảng dạy và học tập các môn nhạc, họa; chú trọng công tác giảng dạy âm nhạc dân tộc trong nhà trường.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất, chăm sóc sức khỏe của học sinh, sinh viên; đổi mới việc giảng dạy môn học thể dục và các hoạt động thể thao trường học; chú trọng phát triển các môn võ dân tộc trong trường học. Đảm bảo mỗi học sinh sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông phải biết chơi một môn thể thao.

- Chú trọng thực hiện các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh nhằm trang bị những kiến thức cho học sinh để các em có thể hòa nhập cộng đồng, tự giải quyết các vấn đề khó khăn gặp phải của bản thân.

- Triển khai có hiệu quả Đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ y tế trường học, đảm bảo 100% các trường đều phải có cán bộ y tế đạt chuẩn; Đề án nâng cao chất lượng công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường.

- Tiếp tục xây dựng, mở rộng hệ thống các phòng tư vấn tâm lý cho học sinh tại các nhà trường ở các bậc học. Đảm bảo 100% các trường phải có cán bộ tư vấn học đường.

3. Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá ở tất cả các cấp học

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy và học tập. Chú trọng hướng dẫn học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu thay cho việc dạy học nhồi nhét kiến thức; tăng cường tổ chức cho học sinh học tập, nghiên cứu, làm việc theo nhóm; biến quá trình truyền thụ tri thức một chiều của giáo viên, giảng viên thành quá trình tự học có hướng dẫn và quản lý của giáo viên, giảng viên; khuyến khích, hướng dẫn và tạo điều kiện để học sinh nghiên cứu khoa học, vận dụng các kiến thức đã học ứng dụng trong thực tế. Định hướng nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học ứng dụng để học sinh Thành phố có thể có những công trình khoa học có giá trị, vận dụng những kiến thức đã học áp dụng vào thực tế cuộc sống để giải quyết các vấn đề tự nhiên, kinh tế, xã hội góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Thành phố. Đến năm 2020, 50% học sinh trung học phổ thông, 30% học sinh trung học cơ sở tham gia nghiên cứu khoa học.

- Làm tốt công tác giảm tải chương trình nhằm khắc phục tình trạng quá tải, nặng về lý thuyết, nhẹ về thực hành.

- Tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập bậc trung học và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; đẩy mạnh công tác xóa mù chữ (đặc biệt chú trọng đối tượng sau 35 tuổi).

- Mở rộng mô hình nhà trường tiên tiến theo xu thế hội nhập quốc tế ở các cấp học, bậc học.

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh dựa trên khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn; hạn chế yêu cầu ghi nhớ máy móc, “học tủ”. Đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, đạo đức của học sinh, sinh viên theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của

người học, chuyển trọng tâm đánh giá nội dung học tập sang đánh giá phẩm chất và năng lực của người học.

- Chỉ đạo và tổ chức các kỳ thi cấp quốc gia và Thành phố an toàn, nghiêm túc, đảm bảo cho kết quả thi thực sự khách quan, phản ánh đúng chất lượng dạy và học, tác động tích cực đến việc dạy và học, thực hiện các mục tiêu giáo dục. Triển khai các chương trình đánh giá học sinh quốc tế: PISA, PASEC.

- Cùng cố, phát triển giáo dục thường xuyên, mở rộng hình thức đào tạo từ xa, vừa làm vừa học, tự học có hướng dẫn nhằm đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của người dân.

4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi Thành phố” nhằm đào tạo, bồi dưỡng lực lượng học sinh giỏi; thành lập “Công viên khoa học thanh thiếu niên Thành phố” nhằm tạo môi trường, điều kiện để thanh, thiếu niên Thành phố có điều kiện tiếp cận, học tập, trao đổi kinh nghiệm về nghiên cứu khoa học.

- Triển khai có hiệu quả Đề án Phổ cập và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cho học sinh phổ thông và chuyên nghiệp Thành phố. Đảm bảo đến năm 2020, học sinh Thành phố sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông có thể tiếp tục theo học bậc cao đẳng, đại học theo chương trình quốc tế; học sinh các cấp đều có trình độ tiếng Anh đạt chuẩn quốc tế. Thực hiện thí điểm, vận dụng, tích hợp các chương trình, giáo trình tiên tiến ở các nước các bộ môn tiếng Anh, Toán và Khoa học để làm nền tảng cho việc cập nhật, nâng cao, mở rộng kiến thức, tri thức cho học sinh Thành phố.

- Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án Phổ cập tin học cho học sinh phổ thông Thành phố, đảm bảo học sinh phổ thông Thành phố đạt chuẩn quốc tế về tin học.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phân luồng học sinh sau trung học. Đảm bảo học sinh sau trung học được phân luồng học tập và đào tạo theo đúng năng lực nhằm hạn chế tình trạng “dư thầy - thiếu thợ”, đảm bảo cung cấp nguồn lao động chuyên nghiệp, có tay nghề cho Thành phố; tăng cường các biện pháp nhằm giáo dục hướng nghiệp cho học sinh, tuyên truyền thay đổi nhận thức về nghề nghiệp cho phụ huynh.

- Quy hoạch, phát triển mạng lưới khu và xây dựng đề án phát triển các trường chuyên nghiệp và dạy nghề Thành phố tiếp cận chuẩn khu vực ASEAN. Trong đó tập trung 4 ngành công nghiệp mũi nhọn và 9 ngành dịch vụ trọng điểm của Thành phố.

- Đổi mới, cập nhật chương trình đào tạo tiếp cận với chương trình đào tạo tiên tiến của khu vực và quốc tế; đổi mới phương pháp giảng dạy theo phương pháp hiện đại.

- Đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo các ngành, nghề chất lượng cao theo chuẩn khu vực và quốc tế cho các trường trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề.

- Nâng cao trình độ đội ngũ quản lý, giáo viên trường trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đẩy mạnh kiểm định chất lượng các trường trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề.

- Đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp và quốc tế trong công tác đào tạo. Chú trọng công tác đào tạo và sử dụng lao động, đảm bảo đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp, phù hợp tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và khu vực.

- Triển khai chương trình nâng cao chất lượng giáo dục đại học, cao đẳng giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn Thành phố đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2014.

- Triển khai có hiệu quả hoạt động của Hội đồng Giáo dục và phát triển nhân lực Thành phố theo Quyết định số 6187/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Đổi mới cơ chế quản lý giáo dục

- Triển khai thực hiện các nội dung Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục và Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 19 tháng 10 năm 2011 của Liên bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ về phân cấp quản lý trong giáo dục.

- Tổ chức phân cấp quản lý mạnh mẽ cho các nhà trường trên nguyên tắc tăng quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Bổ sung cơ chế để các Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện được tham gia quyết định trong quản lý nhân sự và các nguồn tài chính dành cho giáo dục.

- Tăng cường quản lý nhà nước về giáo dục đối với các loại hình giáo dục khác nhau đặc biệt là các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài.

- Tăng cường quản lý nhà nước về công tác thanh tra giáo dục. Đổi mới tổ chức và hoạt động thanh tra. Tập trung thanh tra có chiều sâu các hoạt động thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành, chú trọng thanh tra công tác dạy thêm, học thêm ở các cấp học; tăng cường thanh tra các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập và cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài, chấn chỉnh việc đào tạo liên kết với nước ngoài. Tăng cường chỉ đạo công tác tự kiểm tra của các cơ sở giáo dục. Kiện toàn tổ chức thanh tra giáo dục và nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho thanh tra viên và cộng tác viên.

- Hướng dẫn chi tiết, tăng cường kiểm tra công tác tuyển sinh các lớp đầu cấp hàng năm; đổi mới công tác tuyển sinh lớp 10.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện việc công khai đối với các cơ sở giáo dục; giám sát chặt quản lý thu - chi tại các cơ sở giáo dục, xử lý nghiêm các vi phạm.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua phù hợp với từng đối tượng. Đổi mới công tác thi đua khen thưởng theo hướng thiết thực, hiệu quả. Đảm bảo khen thưởng đúng đối tượng, chính xác và kịp thời.

- Quản lý chất lượng đầu ra; quản lý quá trình đào tạo và chuẩn hóa các điều kiện đảm bảo chất lượng.

- Xây dựng hệ thống kiểm định chất lượng độc lập về chất lượng giáo dục và đào tạo.

- Thực hiện việc sắp xếp các Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp và Trung tâm Dạy nghề quận, huyện để thống nhất 01 đơn vị quản lý chung.

6. Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- Thực hiện quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành giáo dục và đào tạo Thành phố giai đoạn 2012 - 2020.

- Tổ chức đánh giá, xếp loại nhà giáo, cán bộ quản lý ở các bậc học, cấp học theo các chuẩn được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Đẩy mạnh các hoạt động biểu dương, tuyên truyền, giới thiệu những gương thầy cô giáo tiêu biểu, điển hình trong

dạy chữ, dạy người, nhất là tuyên dương giải thưởng Võ Trường Toản và danh hiệu Giáo viên trẻ tiêu biểu Thành phố.

- Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên Thành phố”, đảm bảo cung cấp đầy đủ giáo viên các cấp học, ngành học (nhất là giáo viên mầm non và tiểu học), có kế hoạch xây dựng Trung tâm bồi dưỡng giáo viên nhằm làm tốt công tác bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ, tin học cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên các cấp.

- Tiếp tục triển khai bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng giảng dạy tiếng Anh cho giáo viên các bậc học theo Đề án “Phổ cập và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cho học sinh phổ thông và chuyên nghiệp Thành phố” theo phương thức đào tạo trong và ngoài nước.

- Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, công tác giảng dạy và học tập tại các trường phổ thông”, đảm bảo giáo viên Thành phố đạt chuẩn quốc tế về tin học.

- Thường xuyên thực hiện công tác rà soát, sắp xếp lại đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục phù hợp.

- Tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng, đánh giá, sử dụng và bổ nhiệm nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

- Ban hành một số chính sách đặc thù cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên Thành phố, có chế độ hỗ trợ về nhà ở, hỗ trợ nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ.

- Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ cho cán bộ quản lý và giáo viên, giảng viên các bậc học. Triển khai thực hiện Đề án “Bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên các cấp của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2012 - 2020”.

- Có các chính sách ưu đãi và chế độ đãi ngộ nhằm khuyến khích nhà giáo, đồng thời thu hút những người có năng lực và trình độ cao, có tài năng vào đội ngũ nhà giáo Thành phố.

- Bồi dưỡng, phát triển lực lượng cán bộ quản lý, đặc biệt cán bộ nữ các cấp học, bậc học có tầm nhìn và năng lực thích ứng với các điều kiện thay đổi, tận tâm, thạo việc, có năng lực điều hành.

- Tạo điều kiện để các nhà giáo, chuyên gia nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giảng dạy tại các trường học trên địa bàn Thành phố.

7. Công tác kế hoạch, tài chính và tăng cường cơ sở vật chất

- Triển khai thực hiện các nội dung của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính-Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015 và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP trên địa bàn Thành phố.

- Đảm bảo nguồn chi ngân sách cho giáo dục đào tạo Thành phố. Thực hiện tốt các chính sách miễn, giảm học phí, các chính sách xã hội nhằm đảm bảo mọi học sinh có hoàn cảnh khó khăn có khả năng học tập đều được đi học.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường lớp theo Đề án Quy hoạch mạng lưới trường lớp (có điều chỉnh) được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, đặc biệt thúc đẩy tiến độ xây dựng các trường mầm non tại các khu chế xuất, khu công nghiệp và hệ thống trường lớp các xã tham gia chương trình Xây dựng nông thôn mới nhằm giảm sĩ số học sinh/lớp theo tiêu chuẩn quốc tế (30 học sinh/lớp); tăng mạnh số lượng trường học tổ chức dạy 2 buổi/ngày.

- Có kế hoạch nâng cấp, mở rộng và duy tu các phòng học chưa đạt chuẩn, đảm bảo đến năm 2015, 100% trường học tại Thành phố Hồ Chí Minh đạt chuẩn Quốc gia về cơ sở vật chất. Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống thiết bị dạy học, chú trọng thiết bị tiên tiến, hiện đại tại các nhà trường. Đến năm 2020, đảm bảo có 3 phòng học/100 người dân Thành phố trong độ tuổi đi học (kể cả diện KT3 và không có hộ khẩu).

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, nhất là hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở vật chất rèn luyện thể lực và giáo dục kỹ năng sống cho các đơn vị giáo dục trên địa bàn Thành phố. Triển khai mạnh mẽ ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và hoạt động giáo dục, đào tạo và dạy nghề; thực hiện đồng bộ phần

mềm quản lý nhà trường, đảm bảo 100% các cơ sở giáo dục có đường truyền internet tốc độ cao.

- Các trường trung cấp, cao đẳng Thành phố tiếp cận tiêu chuẩn tiên tiến của khu vực, phân đầu mỗi trường có ít nhất 1 ngành đào tạo đạt chuẩn chất lượng cao.

- Sửa đổi, bổ sung cơ chế đầu tư, ưu đãi về đất đai, vốn để hỗ trợ các cơ sở giáo dục, đào tạo, dạy nghề ngoài công lập; cơ chế cho thuê cơ sở vật chất để phát triển giáo dục mầm non, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ngoài công lập.

8. Tăng cường hỗ trợ giáo dục, đào tạo cho các học sinh có điều kiện khó khăn

- Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả “Đề án thực hiện các chính sách xã hội qua công tác giáo dục” nhằm chăm lo cho trẻ em nghèo ở các vùng ven, vùng ngoại thành, khu dân cư lao động kể cả trẻ em ở vùng tái định cư nhằm đảm bảo công bằng trong giáo dục, đảm bảo không có trẻ em nào không được đến trường vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn.

- Có cơ chế học bổng, miễn, giảm học phí cho học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số và thuộc diện chính sách xã hội; hỗ trợ giáo dục đặc biệt cho người khuyết tật, trẻ em các dân tộc rất ít người, trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV và trẻ em lang thang đường phố; học bổng cho các học sinh, sinh viên xuất sắc.

- Hỗ trợ sách giáo khoa và dụng cụ học tập cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Triển khai chương trình đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt tại các xã xây dựng nông thôn mới.

9. Đẩy mạnh xã hội hóa, xây dựng xã hội học tập

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện xã hội hoá giáo dục, tăng cường huy động các nguồn lực phát triển giáo dục. Tổ chức sơ kết các mô hình xã hội hóa giáo dục đạt hiệu quả; xây dựng hệ thống tiêu chí quản lý phù hợp để phát huy hiệu quả các nguồn lực xã hội tham gia đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo; đảm bảo giữ vững độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020”, Đề án “Xóa mù chữ giai đoạn 2012 - 2020 trên địa bàn Thành phố”, phân đầu đến năm 2020 Thành phố Hồ Chí Minh đạt các tiêu chí của “Thành phố học tập”.

- Cùng cố, mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Trung tâm học tập cộng đồng.

10. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về giáo dục

- Xây dựng kế hoạch triển khai các chương trình tham quan, học tập cho cán bộ quản lý, giáo viên các cấp tại các nước có nền giáo dục tiên tiến; chủ động thực hiện các chương trình trao đổi chuyên gia giáo dục; xây dựng đề án đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ với các hình thức học toàn phần hoặc bán phần ở nước ngoài.

- Sử dụng hiệu quả các nguồn lực đem lại từ công tác hợp tác quốc tế cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học: Tranh thủ mọi nguồn viện trợ thông qua các chương trình, dự án hợp tác với các nước, tổ chức quốc tế để tăng cường đầu tư cho giáo dục (trong đó có công tác y tế trường học).

- Tăng cường các hoạt động giao lưu, chủ động hội nhập với khu vực và thế giới.

- Đẩy mạnh các chương trình hợp tác với Lào, Campuchia và Myanmar nâng cao chất lượng đào tạo Lưu học sinh Lào, Campuchia và Myanmar.

- Tăng cường đội ngũ giáo viên người nước ngoài tham gia giảng dạy tiếng Anh hoặc các môn học bằng tiếng Anh tại các nhà trường.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo là bộ phận Thường trực giúp Ban Chỉ đạo, chủ động phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh, các Sở, ban, ngành Thành phố liên quan; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các đoàn thể Thành phố và Ủy ban nhân dân quận, huyện trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Ban Chỉ đạo, tham mưu và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW - Hội nghị lần 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chính trị và tình hình thực tiễn công tác giáo dục và đào tạo của từng địa phương, đơn vị; định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm, đề ra kế hoạch thực hiện trong thời gian tới.

2. Thủ trưởng các Sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức tổng kết hàng năm và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Thường trực Thành ủy; quá trình triển khai thực hiện có vấn đề gì vướng mắc, cần phản ánh kịp thời trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo thực hiện.

Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC

**Danh mục các đề án, chương trình, kế hoạch
thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về thực hiện
Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị Trung ương 8 - Khóa XI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4887/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Stt	Tên đề án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian triển khai	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1	Xây dựng chương trình truyền hình “Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh - Đổi mới, Hội nhập, Phát triển”	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đài Truyền hình Thành phố	2016	2016	
2	Xây dựng hoạt động tư vấn trường học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh	Sở Giáo dục và Đào tạo	ĐH Sài Gòn	2015	2016	
3	Thành lập Trung tâm ứng dụng khoa học - kỹ thuật của học sinh Thành phố	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ngành có liên quan	2016	2017	
4	Giáo dục âm nhạc dân tộc trong trường học	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Văn hóa và Thể thao	2015	2016	
5	Phổ cập tin học cho học sinh phổ thông thành phố, đảm bảo học sinh phổ thông Thành phố đạt chuẩn quốc tế về tin học	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ngành có liên quan	2015	2016	
6	Đào tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi thành phố góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo cung cấp đủ nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Thành phố	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ngành có liên quan	2015	2016	
7	Phân luồng học sinh sau trung học	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở LĐ-TB&XH	2015	2016	

8	Đổi mới cơ chế, chính sách nâng cao chất lượng cuộc sống đội ngũ nhà giáo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ Sở, ngành có liên quan	2016	2017	
9	Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non, tiểu học đáp ứng nhu cầu xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ ĐH Sài Gòn	2015	2016	
10	Củng cố hoạt động các trường sư phạm đáp ứng nhu cầu giáo viên các cấp học, bậc học	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ngành có liên quan	2016	2017	
11	Đào tạo giáo viên dạy toán và các môn khoa học bằng tiếng Anh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ngành có liên quan	2016	2018	
12	Đổi mới cơ chế tuyển dụng giáo viên tiếng Anh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ	2016	2017	
13	Biên soạn bộ sách giáo khoa phổ thông của Thành phố Hồ Chí Minh theo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ngành có liên quan	2016	2017	
14	Rà soát năng lực, phẩm chất đội ngũ nhà giáo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ	2015	2016	
15	Nâng cao trình độ cán bộ quản lý và giáo viên tiểu học, trung học cơ sở	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ	2016	2017	
16	Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của cán bộ quản lý và giáo viên Thành phố	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ	2016	2017	
17	Xét tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý nhà trường	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ	2016	2017	
18	Xây dựng nhà ở thu nhập thấp cho giáo viên và cán bộ ngành giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ngành có liên quan	2016	2017	
19	Quy hoạch phát triển ngành Giáo dục - Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2015 -2020 và định hướng đến năm 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Kế hoạch và Đầu tư Sở, ngành có liên quan	2015	2015	
20	Quy hoạch phát triển hệ thống các trường chuyên nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến năm 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Kế hoạch và Đầu tư Sở, ngành có liên quan	2015	2016	
21	Đề án xã hội hóa giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ngành có liên quan	2015	2016	

	2030					
22	Đầu tư nâng cấp công trình Trường Trung học phổ thông Chuyên Lê Hồng Phong đạt tiêu chuẩn tiên tiến khu vực Đông Nam Á	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Kế hoạch và Đầu tư Sở Tài chính	2016	2017	
23	Đầu tư nâng cấp công trình Trung tâm giáo dục thường xuyên Chu Văn An đạt tiêu chuẩn tiên tiến khu vực Đông Nam Á	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Kế hoạch và Đầu tư Sở Tài chính	2016	2017	
24	Xây mới Trường Trung học phổ thông Chất lượng cao Cát Lái tại khu trung tâm đô thị mới Thủ Thiêm Quận 2	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Kế hoạch và Đầu tư Sở Tài chính	2017	2018	
25	Đầu tư nâng cấp công trình Trường Trung học phổ thông Chuyên Trần Đại Nghĩa đạt tiêu chuẩn tiên tiến khu vực Đông Nam Á	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Kế hoạch và Đầu tư Sở Tài chính	2016	2017	
26	Đầu tư nâng cấp công trình Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh đạt tiêu chuẩn tiên tiến khu vực Đông Nam Á	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Kế hoạch và Đầu tư Sở Tài chính	2017	2018	
27	Đầu tư nâng cấp công trình Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức đạt tiêu chuẩn tiên tiến khu vực Đông Nam Á	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Kế hoạch và Đầu tư Sở Tài chính	2016	2017	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4891/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu
tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường 15, quận Tân Bình
(khu đất ký hiệu số 10 thuộc phân khu X)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3348/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Tân Bình đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 5471/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường 15, quận Tân Bình;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 3366/TTr-SQHKT ngày 18 tháng 9 năm 2015 về trình duyệt điều chỉnh cục bộ đề án điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường 15, quận Tân Bình (khu đất số ký hiệu số 10 thuộc phân khu X),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh cục bộ đề án điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường 15, quận Tân Bình (khu đất số ký hiệu số 10 thuộc phân khu X), với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

- Quy mô diện tích khu vực điều chỉnh cục bộ quy hoạch: khoảng 6.200 m².
- Vị trí và giới hạn phạm vi điều chỉnh cục bộ quy hoạch: gồm lô đất có ký hiệu 10 của phân khu X, vị trí lô đất dự kiến điều chỉnh được xác định như sau:

+ Phía Đông: hẻm 38 đường Công Lữ.

+ Phía Tây: giáp đường Hoàng Bật Đạt.

+ Phía Nam: giáp khu dân cư hiện hữu.

+ Phía Bắc: giáp khu dân cư hiện hữu.

2. Cơ quan tổ chức lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

3. Hồ sơ bản vẽ điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

- Bản sao bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất của đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường 15, quận Tân Bình đã được phê duyệt.

- Bản đồ vị trí, giới hạn khu vực điều chỉnh cục bộ (trích từ bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất đã được phê duyệt) và Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất theo phương án điều chỉnh (thể hiện khu vực điều chỉnh cục bộ và khu vực kế cận).

Điều 2. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch

1. Giải pháp, hiệu quả kinh tế - xã hội của việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

Nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng đất, hạn chế gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cộng đồng dân cư trong khu vực quy hoạch.

2. Nội dung điều chỉnh:

- Bảng cơ cấu sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc trong Quyết định số 5471/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường 15, quận Tân Bình, cơ bản không thay đổi, chỉ điều chỉnh chức năng lô đất có ký hiệu 10 của phân khu X (xác định tại bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất của đồ án điều chỉnh quy hoạch được duyệt) từ đất giáo dục (trường Trung học cơ sở dự kiến) thành đất ở xây dựng mới thấp tầng.

- Chức năng sử dụng đất, các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc của lô đất sau khi điều chỉnh cục bộ quy hoạch, được xác định như sau:

STT	Chức năng lô đất	Ký hiệu lô đất	Diện tích lô đất (ha)	Mật độ xây dựng (%)		Tầng cao (chiều cao)		Hệ số sử dụng đất tối đa	Dân số (người)
				Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa		
Theo đồ án quy hoạch được duyệt									
X/6	Đất giáo dục (Trường trung	10	0,62	35	60	2	5 (chưa kể tầng	-	-

	học cơ sở dự kiến)						lững và tầng mái che buồng thang)		
Sau khi điều chỉnh cục bộ quy hoạch									
X/6	Đất ở thấp tầng	10	0,62	-	70	-	7 (22,4m); (bao gồm các tầng theo QCVN 03:2012/BXD)	4,2	320 (tương ứng với mô hình nhà ở riêng lẻ thấp tầng)

Điều 3. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan

- Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình và đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu trong hồ sơ, bản vẽ điều chỉnh cục bộ đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường 15, quận Tân Bình (khu đất số ký hiệu số 10 thuộc phân khu X).

- Trong quá trình quản lý, tổ chức triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt cần kiểm soát, quản lý chặt chẽ để có giải pháp khắc phục những phát sinh (nếu có) do điều chỉnh cục bộ quy hoạch nhằm phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong phạm vi đồ án, đảm bảo việc quản lý, phát triển đô thị phù hợp với nội dung đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 và các nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch đã được phê duyệt.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được phê duyệt, cơ quan có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch đô thị cần phải công bố công khai nội dung điều chỉnh cục bộ đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường 15, quận Tân Bình này theo quy định.

- Công tác cấm mốc giới theo nội dung điều chỉnh cục bộ đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường 15, quận Tân Bình này cần được tổ chức thực hiện theo Thông tư số 15/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng và Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về cấm mốc giới theo quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Quyết định này đính kèm các bản vẽ điều chỉnh cục bộ đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường 15, quận Tân Bình (khu đất số ký hiệu số 10 thuộc phân khu X) được nêu tại Khoản 4, Điều 1 Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố, Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 15 và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4892/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000
Khu dân cư và công viên Phước Thiện, phường Long Bình
và phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCXDVN 01:2008/BXD);

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 5758/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Quận 9;

Căn cứ Quyết định số 5394/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt đề án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư và công viên Phước Thiện, phường Long Bình và phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 3081/TTr-SQHKT ngày 01 tháng 9 năm 2015 về trình duyệt nhiệm điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư và công viên Phước Thiện, phường Long Bình và phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư và công viên Phước Thiện, phường Long Bình và phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực quy hoạch:

- Vị trí khu vực quy hoạch: thuộc phường Long Bình và phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Giới hạn khu vực quy hoạch như sau:

+ Phía Đông: giáp đường Long Phước (nổi dài) và sông Đồng Nai.

+ Phía Tây: giáp đường Nguyễn Xiển và rạch Bà Dì.

+ Phía Nam: giáp sông Tắc và rạch Gò Công.

+ Phía Bắc, Đông - Bắc: giáp đường Phước Thiện và khu dân cư Long Thạnh Mỹ (khu 1).

- Tổng diện tích khu vực quy hoạch: 312,12 ha.

- Tính chất của khu vực quy hoạch: khu biệt thự nhà vườn sinh thái kết hợp công viên cây xanh, các công trình dịch vụ công cộng và công viên cây xanh tập trung cấp đô thị.

2. Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch (chủ đầu tư):

Công ty Cổ phần phát triển Thành Phố Xanh.

3. Cơ quan thỏa thuận:

Ủy ban nhân dân Quận 9.

4. Đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch:

Công ty cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh (ACCCo).

5. Hồ sơ, bản vẽ nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch:

- Thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch phân khu.

- Thành phần bản vẽ bao gồm:

+ Sơ đồ vị trí khu vực quy hoạch trích từ quy hoạch chung xây dựng Quận 9 được duyệt.

+ Bản đồ ranh giới nghiên cứu, phạm vi khu vực lập quy hoạch phân khu, tỷ lệ 1/2000.

6. Dự báo quy mô dân số, các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị trong khu vực quy hoạch:

6.1. Dự báo quy mô dân số: khoảng 20.000 người (dân số hiện trạng: khoảng 368 người).

6.2. Các chỉ tiêu dự kiến về sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị toàn khu vực quy hoạch:

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
A	Chỉ tiêu sử dụng đất toàn khu quy hoạch	m ² /người	156,1
B	Chỉ tiêu đất các đơn vị ở	m ² /người	Từ: 90 Đến: 95
	Chỉ tiêu đất đơn vị ở trung bình toàn khu quy hoạch	m ² /người	92,5
C	Các chỉ tiêu sử dụng đất trong cấp đơn vị ở		
	- Đất các nhóm nhà ở	m ² /người	Từ: 62 Đến: 68

hướng các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; mạng lưới giao thông được tổ chức và kết nối theo tầng bậc, được cập nhật và đảm bảo kết nối hạ tầng kỹ thuật của các dự án đầu tư xây dựng, các đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (nếu có) trong phạm vi khu vực quy hoạch; kết nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với các quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 (hoặc quy hoạch phân khu) tiếp giáp khu vực quy hoạch, phù hợp với đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Quận 9 và đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố đã được phê duyệt.

- Xác định ranh các đơn vị ở, trong đó có trung tâm cấp đơn vị ở và các nhóm ở phù hợp với loại hình nhà ở (biệt thự vườn mật độ thấp); các đơn vị ở cần được nghiên cứu xác định với quy mô dân số và cơ cấu sử dụng đất phù hợp (đường giao thông chính đô thị không chia cắt đơn vị ở); các công trình dịch vụ công cộng, khu công viên cây xanh, sân chơi - thể dục thể thao, ... đảm bảo bán kính phục vụ cho các nhóm nhà ở và các đơn vị ở.

- Nội dung nghiên cứu quy hoạch chỉnh trang tại các khu dân cư hiện hữu ổn định (nếu có) theo hướng tránh gây xáo trộn lớn đến cuộc sống của cộng đồng dân cư, khuyến khích người dân hợp tác đầu tư vào những dự án đầu tư xây dựng nhóm nhà ở tập trung nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng sử dụng đất phù hợp với mô hình ở thấp tầng, giảm mật độ xây dựng, dành quỹ đất cho các công trình phúc lợi công cộng và cây xanh, cải thiện, nâng cao điều kiện - môi trường sống cho cộng đồng dân cư.

- Khu vực tiếp giáp sông Đồng Nai, sông Tắc, rạch Gò Công, rạch Bà Dì, rạch Hắc Ôi và rạch Đường Mương..., cần phát huy ưu thế địa hình sông nước, tạo không gian mở hài hòa với cảnh quan chung tại khu vực; phát triển mô hình nhà biệt thự vườn thấp tầng với mật độ xây dựng thấp.

- Công viên cây xanh: tận dụng các quỹ đất trống, hoang hóa nhằm phân bổ diện tích công viên cây xanh tập trung cho các đơn vị ở kết hợp khai thác cảnh quan dọc sông Đồng Nai, sông Tắc, rạch Gò Công, rạch Bà Dì, rạch Hắc Ôi và rạch Đường Mương..., tổ chức mảng xanh kết hợp mặt nước tạo không gian thông thoáng, vi khí hậu tốt, thuận lợi cho người dân tiếp cận sử dụng.

- Dọc tuyến sông Đồng Nai, sông Tắc, rạch Gò Công, rạch Bà Dì, rạch Hắc Ôi và rạch Đường Mương... cần nghiên cứu đề xuất các tuyến đường giao thông ven sông, kênh, rạch có kết nối với mạng lưới giao thông toàn khu, phù hợp với cảnh quan bờ sông, kênh, rạch, cần nghiên cứu phát triển hệ thống giao thông thủy tại khu vực.

8. Yêu cầu đánh giá môi trường chiến lược:

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; điều kiện tự nhiên; chất thải rắn, nước thải, tiếng ồn (nếu có); các vấn đề xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên.

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch.

- Đề ra các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị.

- Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

9. Hồ sơ sản phẩm của đồ án, tiến độ và tổ chức thực hiện:

9.1. Danh mục, hồ sơ sản phẩm của đồ án (17 bộ):

- Thuyết minh tổng hợp.
- Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000;.
- Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/2.000.
- Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tỷ lệ 1/2.000, bao gồm:
 - + Bản đồ hiện trạng hệ thống giao thông.
 - + Bản đồ hiện trạng cao độ nền và thoát nước mặt.
 - + Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp điện chiếu sáng.
 - + Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp nước.
 - + Bản đồ hiện trạng hệ thống thoát nước thải và xử lý chất thải rắn.
 - + Bản đồ hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc.
 - + Bản đồ hiện trạng môi trường.
- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/2.000 (có thể hiện sơ đồ thu nhỏ xác định ranh các đơn vị ở trên bản vẽ này).
- Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/2.000.

- Bản đồ quy hoạch giao thông.
- Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng (tùy theo nội dung và quy mô đồ án, có thể gộp chung với bản đồ quy hoạch giao thông).
- Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác và môi trường, tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000, bao gồm:
 - + Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị.
 - + Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị.
 - + Bản đồ quy hoạch cấp nước đô thị.
 - + Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn đô thị.
 - + Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc.
- Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật.
- Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược.
- Bản đồ thiết kế đô thị.
- Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000.
- Đĩa CD lưu trữ toàn bộ hồ sơ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000, bao gồm thuyết minh, bản vẽ và dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch.

9.2. Tiến độ và tổ chức thực hiện:

a) Tiến độ thực hiện: Thời gian lập đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000: 09 tháng kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ.

b) Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch (chủ đầu tư): Công ty Cổ phần phát triển Thành Phố Xanh.

- Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh (ACCCo).

- Cơ quan thỏa thuận: Ủy ban nhân dân Quận 9.

- Cơ quan thẩm định: Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân Thành phố.

10. Các điểm lưu ý khi nghiên cứu, lập đồ án quy hoạch phân khu:

- Về kiến trúc cảnh quan - thiết kế đô thị khu vực: nội dung nghiên cứu tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan cần giữ gìn bản sắc, phát huy được tính đặc thù địa hình sông nước tại khu vực như: sông Đồng Nai, sông Tắc, rạch Gò Công, rạch Bà Dì, rạch Hắc Ôi và rạch Đường Mương,... để có phương án quy hoạch phù hợp.

- Tại các khu đất có chức năng sử dụng hỗn hợp (nếu có) cần xác định cơ cấu, tỷ lệ các chức năng sử dụng đất (ưu tiên dành quỹ đất để bố trí công trình công cộng, cây xanh), quy mô dân số (nếu có) để cân đối, xác định các chỉ tiêu sử dụng đất về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho phù hợp trong phạm vi quy hoạch.

- Việc bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật: trong phạm vi đồ án cần nghiên cứu bố trí các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo phục vụ cho khu vực quy hoạch phù hợp với đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Quận 9.

- Quy hoạch hệ thống đường giao thông cần lưu ý đến tính chất của một khu đô thị xây dựng mới kết hợp dịch vụ công cộng và công viên cây xanh - mặt nước cấp đô thị, kết nối đồng bộ với các khu vực kế cận, đồng thời cân nhắc cải tạo mở rộng các tuyến đường hiện hữu, nâng cấp hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật hiện hữu (nếu có) để phù hợp với đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Quận 9.

- Cần nghiên cứu dành quỹ đất thích hợp để bố trí các công trình phúc lợi công cộng - hạ tầng xã hội, cây xanh và quỹ đất để bố trí các công trình bến bãi đậu xe, phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông, bến bãi trên địa bàn Thành phố.

- Cần tuân thủ về chỉ giới hành lang sông, kênh, rạch đã được quy định tại Quyết định số 150/2004/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định quản lý, sử dụng hành lang sông, kênh, rạch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Việc san lấp kênh, mương, rạch (nếu có) trong khu vực quy hoạch cần có ý kiến thỏa thuận của các cơ quan có thẩm quyền đã được quy định tại Quyết định số 319/2003/QĐ-UB ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về quản lý việc san lấp và xây dựng công trình trên sông, kênh, rạch, đầm, hồ công cộng thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Cần tiếp thu, ghi nhận các ý kiến đóng góp của cộng đồng dân cư có liên quan đến khu vực lập quy hoạch trong quá trình lập đồ án để có giải pháp quy hoạch mang tính khả thi.

- Trên cơ sở định hướng phát triển đô thị theo từng giai đoạn, các chương trình, công trình trọng điểm của Thành phố, quy hoạch - kế hoạch phát triển kinh tế xã hội,

quy hoạch phát triển ngành - lĩnh vực; cần xác định các phân kỳ thực hiện, có dự kiến các dự án ưu tiên đầu tư trong phạm vi quy hoạch để làm cơ sở tổ chức thực hiện quy hoạch. Đây cũng là cơ sở để các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư tham gia giám sát việc tổ chức quản lý, thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt.

- Nội dung hồ sơ, hình thức, quy cách thể hiện bản vẽ đồ án cần thực hiện theo Quyết định số 21/2005/QĐ-BXD ngày 22 tháng 7 năm 2005 của Bộ Xây dựng về việc ban hành quy định hệ thống ký hiệu bản vẽ trong các đồ án quy hoạch xây dựng và Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị. Tầng cao công trình cần thể hiện theo QCVN 03:2012/BXD.

Điều 2. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân Quận 9, Công ty Cổ phần phát triển Thành Phố Xanh, đơn vị tư vấn khảo sát, lập bản đồ hiện trạng chịu trách nhiệm về tính chính xác các số liệu đánh giá hiện trạng trong hồ sơ, bản vẽ nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư và công viên Phước Thiện, phường Long Bình và phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9.

- Trên cơ sở nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư và công viên Phước Thiện, phường Long Bình và phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9 này được phê duyệt, Công ty Cổ phần phát triển Thành Phố Xanh cần tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 trong thời hạn theo quy định để làm cơ sở quản lý xây dựng đô thị, phát triển đô thị theo quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có đính kèm các bản vẽ, thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư và công viên Phước Thiện, phường Long Bình và phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9 được nêu tại khoản 5, Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố, Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Long Bình, Chủ tịch Ủy ban nhân

dân phường Long Thạnh Mỹ và Công ty Cổ phần phát triển Thành Phố Xanh, các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4928/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về thành lập Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Sở Y tế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BYT ngày 04 tháng 3 năm 2015 của Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 6384/TTr-SYT ngày 14 tháng 9 năm 2015 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3627/TTr-SNV ngày 25 tháng 9 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Sở Y tế.

Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS Thành phố là đơn vị sự nghiệp y tế công lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc, Ngân hàng Nhà nước để hoạt động theo quy định của pháp luật.

Trụ sở Trung tâm: đặt tại số 121 đường Lý Chính Thắng, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS Thành phố chịu sự chỉ đạo, quản lý toàn diện, trực tiếp về tổ chức, hoạt động và các nguồn lực của Sở Y tế, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Phòng, chống HIV/AIDS thuộc Bộ Y tế.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS Thành phố.

1. Chức năng:

Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS Thành phố có chức năng chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, kỹ thuật về phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn Thành phố, tổ chức thực hiện các dịch vụ công về y tế theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch về phòng, chống HIV/AIDS trên cơ sở định hướng, chính sách, chiến lược, kế hoạch của Bộ Y tế và tình hình thực tế của Thành phố trình cấp có thẩm quyền, phê duyệt.

b) Tổ chức thực hiện các hoạt động sau:

- Tổ chức, thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật: can thiệp giảm tác hại, dự phòng lây nhiễm HIV; tư vấn, xét nghiệm HIV; giám sát HIV/AIDS và các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục (STI); dự phòng phơi nhiễm HIV; điều trị và chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS; theo dõi, đánh giá các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS; điều phối và cung ứng thuốc kháng HIV, thuốc điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện, các trang thiết bị, vật tư, sinh phẩm, hóa chất phục vụ công tác phòng, chống HIV/AIDS trong phạm vi thẩm quyền quản lý. Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các hoạt động dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con; dự phòng lây nhiễm HIV trong các dịch vụ y tế; phòng, chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục; phòng, chống đồng lây nhiễm Lao và HIV; an toàn truyền máu liên quan đến HIV/AIDS.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ về HIV/AIDS bao gồm: tư vấn, xét nghiệm HIV, khám và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; khám và điều trị HIV/AIDS theo quy định pháp luật.

- Là đơn vị thường trực của Ban Chỉ đạo phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm của Thành phố; chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát chuyên môn, kỹ thuật về phòng, chống HIV/AIDS đối với các Trung tâm Y tế quận, huyện, cơ sở y tế và Trạm y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn Thành phố.

- Triển khai các hoạt động thông tin - giáo dục - truyền thông và huy động cộng đồng về phòng, chống HIV/AIDS.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo liên tục về chuyên môn, kỹ thuật cho công chức, viên chức, người lao động của Trung tâm; tham gia đào tạo, đào tạo liên tục về chuyên môn, kỹ thuật thuộc lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS theo kế hoạch là cơ sở thực hành của các cơ sở đào tạo nhân lực y tế trên địa bàn và của Trung ương về lĩnh vực HIV/AIDS.

- Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật về HIV/AIDS.

- Đề xuất, quản lý và tổ chức thực hiện các đề án, dự án, chương trình mục tiêu y tế quốc gia và hợp tác quốc tế về lĩnh vực HIV/AIDS trên địa bàn Thành phố khi được cấp thẩm quyền giao, phê duyệt.

- Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá các hoạt động thuộc lĩnh vực HIV/AIDS trên địa bàn.

- Thực hiện quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quản lý tài chính, tài sản của đơn vị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Y tế và Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

Điều 3. Tổ chức bộ máy Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS Thành phố

1. Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS Thành phố do Giám đốc quản lý, có từ hai đến ba Phó Giám đốc giúp việc Giám đốc; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm được thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Các phòng chức năng:

a) Phòng Tổ chức - Hành chính;

b) Phòng Kế hoạch - Tài chính.

3. Các khoa, phòng chuyên môn

a) Khoa Truyền thông và Can thiệp;

b) Khoa Giám sát;

c) Khoa Quản lý điều trị;

d) Khoa Xét nghiệm;

đ) Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS và Điều trị nghiện chất.

Điều 4. Vị trí việc làm và số lượng người làm việc

1. Vị trí việc làm, số lượng người làm việc và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS Thành phố được xác định trên cơ sở Đề án vị trí việc làm của Trung tâm được Sở Y tế thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật. Ngoài nhân lực được giao, Giám đốc Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS Thành phố được ký hợp đồng lao động để đáp ứng nhu cầu thực hiện nhiệm vụ và khối lượng công việc theo quy định của pháp luật.

2. Số lượng người làm việc tại Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS Thành phố được Ủy ban nhân dân Thành phố giao trong tổng số chỉ tiêu sự nghiệp của Sở Y tế.

Điều 5. Kinh phí hoạt động Trung tâm thực hiện theo quy định của pháp luật, bao gồm các nguồn sau: Ngân sách sự nghiệp y tế; ngân sách thực hiện chương trình mục tiêu y tế quốc gia; thu phí theo quy định của pháp luật; viện trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Giao Giám đốc Sở Y tế có trách nhiệm chỉ đạo Giám đốc Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS Thành phố trong việc tổ chức, sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự theo hướng tinh gọn, phù hợp chuyên môn nghiệp vụ, hoạt động có hiệu quả; xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS Thành phố phù hợp với quyết định này và các quy định có liên quan, trình Giám đốc Sở Y tế phê duyệt.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ

tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và Giám đốc Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS Thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4987/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000
(quy hoạch phân khu) Khu A - Khu đô thị mới Nam Thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng”;

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 6692/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt đề án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/5000 (quy hoạch phân khu) Khu đô thị mới Nam thành phố, diện tích 2.975ha;

Căn cứ Quyết định số 2038/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu A - Khu đô thị mới Nam thành phố;

Xét đề nghị của Ban Quản lý Khu Nam tại Tờ trình số 21/TTr-BQLKN ngày 14 tháng 02 năm 2015 và Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 3034/TTr-SQHKT ngày 28 tháng 8 năm 2015 về trình phê duyệt điều chỉnh cục bộ đề án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu A - Khu đô thị mới Nam Thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh cục bộ đề án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu A - Đô thị mới Nam Thành phố với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

a) Vị trí Khu A trong tổng thể Khu đô thị mới Nam thành phố:

Khu vực nghiên cứu lập điều chỉnh cục bộ thuộc Khu A - Khu đô thị mới Nam thành phố, thuộc địa bàn Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Tổng diện tích quy hoạch là 484,2 ha, với quy mô dân số dự kiến;

- Dân số quy hoạch: 100.000 người

- Khách vãng lai: 500.000 khách

Phạm vi ranh giới:

- Phía Bắc: giáp sông Cả Cấm và kênh Thầy Tiêu.

- Phía Nam: giáp sông Đĩa và sông Rơi.

- Phía Tây: giáp rạch Ông Kịch.

- Phía Đông: giáp sông Cả Cấm và sông Ông Đội.

(Nội dung không thay đổi so với quy hoạch đã duyệt)

b) Vị trí khu đất đề xuất điều chỉnh trong tổng thể Khu A:

Điều chỉnh cục bộ 39 lô đất, bao gồm:

- 14 lô đất thuộc Thành phố quản lý: lô C8A, C8B, C9, R8, CN4, H1, H2, Md5, Md6, Md7, lô cạnh Md7 (đề xuất đặt tên Md9), Md8, M9, S15 (Trường Tiểu học)

- 25 lô đất do Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng quản lý: C6A, Md3, Md4, S2, S8, S17A, P3, R6, C6B, C7B, CR8, CR9, Md2, M6, M7, M8, S6, S11, S13, S18, S19, H6, H7, H8 và H14

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ban Quản lý Khu Nam.

3. Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sino-Pacific.

4. Hồ sơ bản vẽ điều chỉnh cục bộ quy hoạch phê duyệt:

- Thuyết minh;
- Bản đồ vị trí - giới hạn các lô đất điều chỉnh, tỷ lệ 1/2000;
- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất theo phương án điều chỉnh, tỷ lệ 1/2000.

5. Lý do và nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

5.1. Lý do và sự cần thiết điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

Cập nhật các biến động về chỉ tiêu sử dụng đất, chức năng và vị trí các lô đất theo văn bản chấp thuận chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố và điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch, chức năng sử dụng đất tại một số lô đất để phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Do đó, cần thiết phải điều chỉnh cục bộ quy hoạch cho phù hợp với định hướng phát triển chung của Thành phố nhằm cụ thể hoá và đáp ứng nhu cầu thực tế trong tiến trình đô thị hóa, đảm bảo yêu cầu phát triển hoàn chỉnh, hiện đại và bền vững của Khu đô thị mới. Việc điều chỉnh cục bộ không làm thay đổi hoặc không vượt quá chỉ tiêu sử dụng đất đã được duyệt theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu A - Khu đô thị mới Nam thành phố (tại Quyết định số 2038/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

5.2 Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

- Điều chỉnh đất dự trữ: bố trí Bệnh viện Phụ sản Phương Nam tại lô Md7; bố trí Nhà Văn hóa Phụ nữ tại lô Md8; mở rộng Trường Nhật Bản tại lô M9; bố trí Trường Tiểu học tại lô S15; bố trí Trường Mầm non Ngôi Sao Nhỏ tại lô R8; bố trí Trụ sở

Liên đoàn Lao động Thành phố tại lô C8B; bố trí Trung tâm thương mại Savico tại lô CN4-3; bố trí trụ sở Trung tâm Dịch vụ Tư vấn Đầu tư Xây dựng tại lô C9; điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất lô C8A; giảm diện tích đất dự trữ lô C9.

- Điều chỉnh chức năng: chức năng Trụ sở Báo Sài Gòn Giải Phóng, Nhà Văn hóa Phụ nữ, Trung tâm thông tin Sở Tài nguyên và Môi trường thành Nhà khách Thành ủy tại lô Md6; chức năng ở thành đất thương mại dịch vụ tại lô C7B, C6B-3; chức năng đất trường Mầm non và trường Tiểu học thành đất trường Tiểu học tại lô R6; Xây dựng Trụ sở Phòng cháy chữa cháy tại một phần lô H1.

- Điều chỉnh vị trí: Bru điện trung tâm Nam Sài Gòn từ lô C9 về lô Md9 (cạnh lô Md7); điều chỉnh vị trí đất trường Trung học phổ thông và đất trường Mầm non tại lô P3;

- Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất: các lô C6A, Md2, Md3, Md4, Md5, S2, S6, S8, S11, S13, S17A, S18, S19, CR8, CR9, M6, M7, M8, H2, H6, H7, H8, H14.

Về nội dung điều chỉnh cục bộ tại các lô đất (tổng số 39 lô điều chỉnh); trong đó chi tiết các chỉ tiêu thông số kỹ thuật (diện tích, dân số, mật độ xây dựng, tầng cao, hệ số sử dụng đất...) tại các lô đất điều chỉnh cục bộ được ghi chú thể hiện trên bản vẽ quy hoạch sử dụng đất theo phương án điều chỉnh cục bộ phê duyệt đính kèm.

6. Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật của phương án điều chỉnh cục bộ trên tổng thể Khu A:

Chỉ tiêu quy hoạch	Đơn vị tính	Chỉ tiêu quy hoạch	
		Theo QĐ 2038/QĐ-UBND	Theo Đồ án điều chỉnh cục bộ
Đất đô thị gồm:	m ² /người	48,42	48,42
+ Đất dân dụng, trong đó:	m ² /người	40,90	40,89
- Đất khu ở:	m ² /người	23,88	23,88
Đất xây dựng nhà ở :	m ² /người	14,240	14,01
Đất công trình công cộng:	m ² /người	3,322	3,55
Đất công viên cây xanh:	m ² /người	4,374	4,374
Đất giao thông khu ở:	m ² /người	1,939	1,946
- Đất công cộng đô thị:	m ² /người	5,51	5,45
- Đất công viên cây xanh:	m ² /người	2,11	2,11

- Đất giao thông khu vực:	m ² /người	9,18	9,23
- Đất hạ tầng kỹ thuật:	m ² /người	0,22	0,22
+ Đất ngoài dân dụng, trong đó:	m ² /người	7,51	7,52
- Đất giao thông đối ngoại: (đường Nguyễn Văn Linh)	m ² /người	2,98	2,98
- Sông rạch:	m ² /người	2,10	2,10
- Đất ven sông:	m ² /người	2,18	2,19
- Đất khu dân cư Tân Mỹ và văn phòng Công ty Phát Triển Phú Mỹ Hưng	m ² /người	0,25	0,25
- Mật độ xây dựng trung bình toàn khu:	%	26,5.	26,1
- Hệ số sử dụng đất toàn khu:		1,6	1,6

Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật chính:

Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật	Đơn vị	Chỉ tiêu quy hoạch	
		Theo QĐ số 2038/QĐ-UBND	Theo Đồ án điều chỉnh cục bộ
Cao độ xây dựng	m	Hxd ≥ 2	Hxd ≥ 2,05
Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt:	KWh/ng/năm	1.500 - 1.800	- Giai đoạn đầu: 1500 ~ 1800 - Giai đoạn sau : 2400
Chỉ tiêu cấp điện chiếu sáng:	KW/ha.	15	15
Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt:	lít/người/ngày đêm	250	Giai đoạn đầu: 180 Giai đoạn sau: 250
Chỉ tiêu cấp nước công cộng:	lít/người/ngày đêm.	30	30
Chỉ tiêu thoát nước thải :	% nước cấp sinh hoạt.	100	≥ 80
Chỉ tiêu rác thải:	kg/người/ngày đêm.	1,2	1,3

7. Cơ cấu phân bổ sử dụng đất của phương án điều chỉnh cục bộ trên tổng thể Khu A:

STT	Chức năng	Đơn vị	Khu trung tâm		Khu phía Nam		Khu Tây Bắc		Khu Tây Nam		Tổng cộng	
			QĐ 2038	Đồ án điều chỉnh	QĐ 2038	Đồ án điều chỉnh	QĐ 2038	Đồ án điều chỉnh	QĐ 2038	Đồ án điều chỉnh	QĐ 2038	Đồ án điều chỉnh
A	Đất phát triển trong phạm vi 409ha	ha	98,23	97,72	87,59	87,59	44,56	44,56	86,76	86,76	317,16	316,64
B	Đất ven sông	ha	10,18	10,29	6,61	6,61	3,45	3,45	4,08	4,08	24,32	24,43
C	Diện tích đất giao thông khu vực	ha	30,78	31,18	24,98	24,98	11,39	11,39	24,69	24,69	91,84	92,25
D	Diện tích đất đường Nguyễn Văn Linh	ha	11,19	11,19			9,20	9,20	9,48	9,48	29,87	29,87
E	Diện tích sông rạch	ha	11,42	11,42	3,45	3,45	3,02	3,02	3,12	3,12	21,01	21,01
F	Tổng diện tích đất toàn khu	ha	161,81	161,81	122,63	122,63	71,62	71,62	128,14	128,14	484,20	484,20
	Tổng diện tích đất xây dựng	ha	46,78	46,54	31,99	30,54	19,83	19,87	29,84	29,52	128,45	126,48
	Mật độ xây dựng toàn khu	%	28,91	28,77	26,09	24,90	27,69	27,75	23,29	19,43	26,5	26,1
	Hệ số sử dụng đất toàn khu	Lần	2,17	2,23	1,38	1,29	1,45	1,44	1,18	1,19	1,6	1,6
	Dân số toàn khu	người	26.233	26.482	29.184	29.421	19.287	19.287	24.707	24.807	99.411	99.995

8. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

Cơ bản không thay đổi so với Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu A đã duyệt; trong đó vẫn đảm bảo về tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan trên các tuyến đường trục chính (Nguyễn Văn Linh, Nguyễn Lương Bằng, Tân Trào, Bùi Bằng Đoàn, Trần Văn Trà, Nguyễn Đức Cảnh, Hà Huy Tập, Tôn Dật Tiên...); tổng thể Khu A vẫn giữ theo cơ cấu đã duyệt bao gồm Khu trung tâm, Khu phía Nam, Khu phía Tây Bắc và Khu Tây Nam (công trình tại lô S11 trên đường Nguyễn Lương Bằng, tầng tầng cao tối đa từ 20 tầng lên 32 tầng chủ yếu đối với một vài vị trí khối tháp để tạo điểm nhấn công trình).

9. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

Bổ sung tuyến giao thông kết nối cầu Phú Thuận, quy hoạch mạng lưới cấp nước, quy hoạch mạng lưới cấp điện, quy hoạch mạng lưới thoát nước bản cơ bản không điều chỉnh so với đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu A đã duyệt. Các chỉ tiêu về quy hoạch hạ tầng được cập nhật theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/5000 (quy hoạch phân khu) Khu đô thị mới Nam thành phố đã

được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 6692/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2012.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong quá trình điều chỉnh cục bộ: các biến động về hạ tầng kỹ thuật sẽ được cập nhật trong đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 hệ thống hạ tầng kỹ thuật chính của Khu A - Khu đô thị mới Nam Thành phố (theo nội dung Công văn số 6540/UBND-ĐTMT ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giải quyết các tồn tại về thực hiện thủ tục quy hoạch, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật chính Khu A - Đô thị mới Nam Thành phố).

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ban Quản lý Khu Nam và đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu trong hồ sơ, thuyết minh và bản vẽ trình duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu A - Đô thị mới Nam Thành phố.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ban Quản lý Khu Nam có trách nhiệm cập nhật những nội dung điều chỉnh nêu trên vào đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu A-Khu đô thị mới Nam thành phố và đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 Khu đô thị mới Nam thành phố, diện tích 2.975ha. Trong quá trình quản lý, tổ chức triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt cần kiểm soát, quản lý chặt chẽ để có giải pháp khắc phục những phát sinh (nếu có) do điều chỉnh cục bộ quy hoạch nhằm phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong phạm vi đồ án, đảm bảo việc quản lý, phát triển đô thị phù hợp với nội dung đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 và các nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch đã được phê duyệt.

- Ban Quản lý Khu Nam phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Quận 7 cập nhật nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch này vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của quận 7 và trình duyệt theo quy định

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được phê duyệt, Ban Quản lý Khu Nam phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận 7 thực hiện công bố công khai nội dung điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 này theo quy định.

- Công tác cấm mốc giới theo nội dung điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 này được tổ chức thực hiện theo Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND

ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố và Thông tư số 15/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không tách rời của Quyết định số 2038/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu A - Khu đô thị mới Nam thành phố. Các nội dung khác không đề cập vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 2038/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 4. Quyết định này có đính kèm bản vẽ điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu A - Đô thị mới Nam Thành phố được nêu tại khoản 4 Điều 1 Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố, Trưởng Ban Quản lý Khu Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7, Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5078/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành mẫu Phiếu trình và sắp xếp thành phần tài liệu
trong hồ sơ trình duyệt, trình ký hồ sơ tại các cơ quan, tổ chức**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNV ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Bộ Nội vụ về công tác văn thư;

Căn cứ Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính;

Căn cứ Thông tư số 07/2012/TT-BNV ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn quản lý văn bản, lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan;

Căn cứ Thông tư số 04/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xây dựng Quy chế công tác văn thư, lưu trữ của các cơ quan, tổ chức;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3749/TTr-SNV ngày 02 tháng 10 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này mẫu Phiếu trình và sắp xếp thành phần tài liệu trong hồ sơ trình duyệt, trình ký hồ sơ tại các cơ quan, tổ chức như sau:

1. Mẫu Phiếu trình

Cá nhân, đơn vị được giao chủ trì soạn thảo văn bản (kể cả giải quyết các văn bản đến trường hợp có phúc đáp) và trình hồ sơ đến cơ quan thẩm quyền, thủ trưởng

cơ quan để phê duyệt Đề án hoặc trình ký hồ sơ, ngoài việc xây dựng Tờ trình theo thể thức quy định (trường hợp trình đến cơ quan thẩm quyền) cần phải lập Phiếu trình.

Phiếu trình của cá nhân được phân công soạn thảo văn bản thể hiện các nội dung (Mẫu Phiếu trình kèm theo):

- Tóm tắt nội dung, sự việc;
- Đề xuất của người trình;
- Ý kiến của các cá nhân được phân công theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền.

2. Sắp xếp thành phần tài liệu trong hồ sơ trình duyệt, trình ký

Khi trình hồ sơ lên cơ quan cấp trên, thủ trưởng cơ quan, cá nhân, đơn vị cần lập thành hồ sơ:

- Phiếu trình hồ sơ;
- Mục lục văn bản có trong hồ sơ;
- Tờ trình (trường hợp trình đến cơ quan thẩm quyền);
- Dự thảo văn bản;
- Văn bản kết luận, chỉ đạo hoặc văn bản đến (trường hợp có phúc đáp);
- Văn bản liên quan sự việc;
- Ý kiến góp ý cá nhân đơn vị, cơ quan liên quan (Biên bản họp; Tổng hợp ý kiến, đề xuất);
- Văn bản nguyên tắc làm cơ sở pháp lý.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức chỉ đạo thực hiện mẫu Phiếu trình và sắp xếp thành phần tài liệu trong hồ sơ trình duyệt, trình ký hồ sơ phù hợp tình hình cụ thể tại cơ quan, tổ chức mình. Đồng thời, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức trực thuộc thực hiện thống nhất.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Nội vụ triển khai thực hiện, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp báo cáo kết quả việc thực hiện mẫu Phiếu trình và sắp xếp thành phần tài liệu trong hồ sơ trình duyệt, trình ký hồ sơ tại các cơ quan, tổ chức.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức thuộc Thành phố, Chi cục trưởng Chi cục Văn thư - Lưu trữ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

MẪU PHIẾU TRÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2015
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)
TÊN ĐƠN VỊ, BỘ PHẬN (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TRÌNH (*)

Về việc(3).

Văn thư cơ quan ghi:

Số:.....

Ngày:.....

Kính gửi:.....(4).....

Đề xuất:

Độ mật:.....(5).....

Độ khẩn:.....(6).....

1. Tóm tắt nội dung cần trình:

a) Phần mở đầu, đặt vấn đề (7):

....

b) Nội dung sự việc (8):

....

2. Ý kiến đề xuất của người trình:

a) Phần giải quyết vấn đề (9):

...

b) Tổng hợp các ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có) (10):

...

c) Đề xuất giải quyết vấn đề (11):

...

Kính trình lãnh đạo(12).....xem xét, chấp thuận./.

(13), ngày...../...../20.....

NGƯỜI TRÌNH (14)

(Ký và ghi họ và tên)

**Ý kiến của Trưởng phòng
chuyên môn (15)**

**Ý kiến của Chánh Văn phòng
hoặc Trưởng phòng hành chính (16)**

**Ý kiến của Phó Thủ trưởng
cơ quan (phụ trách)**

Ý kiến của Thủ trưởng cơ quan

(*) HƯỚNG DẪN TRÌNH BÀY PHIẾU TRÌNH

(1) Ghi tên cơ quan, tổ chức; (2) Ghi tên đơn vị, bộ phận thuộc cơ quan, tổ chức

- Trường hợp Phiếu trình của phòng chuyên môn thuộc cơ quan, tổ chức.

Ví dụ: Phòng Tổ chức, Biên chế thuộc Sở Nội vụ:

SỞ NỘI VỤ TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ

- Trường hợp Phiếu trình hồ sơ của các Hội đồng, Ban tư vấn của cơ quan, tổ chức, cần ghi tên cơ quan chủ quản và cơ quan ban hành văn bản phù hợp với quy định: Hội đồng ... Ví dụ: Hội đồng thuộc Sở Tài chính:

SỞ TÀI CHÍNH TP. HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG.....

(3) *Trích yếu nội dung văn bản*: Cần ghi ngắn gọn, khái quát, đại ý chính của sự việc hoặc của văn bản.

(4) *Kính gửi*: Ghi Thủ trưởng cơ quan, tổ chức.

(5) *Phần mở đầu, đặt vấn đề*: Cần nêu lý do hoặc mục đích để trình giải quyết hồ sơ. Tại nội dung này cần trích dẫn các văn bản, các ý kiến chỉ đạo của cấp trên; văn bản, yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

(6) *Độ mật*: Người được phân công tham mưu xây dựng văn bản xác định và đề xuất mức độ mật (mật, tuyệt mật, tối mật) cho văn bản (nếu có).

(7) *Độ khẩn*: Người được phân công tham mưu xây dựng văn bản xác định và đề xuất mức độ khẩn cho văn bản (nếu có).

(8) *Nội dung sự việc*: Ghi tóm tắt nội dung sự việc từ các văn bản đề nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc ý kiến chỉ đạo của các cấp lãnh đạo.

(9) *Phần giải quyết vấn đề*: Cần nêu rõ căn cứ pháp lý, tài liệu liên quan; tình hình thực tế, thực tiễn.

(10) *Tổng hợp, báo cáo các ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có)*: Báo cáo kết quả lấy ý kiến góp ý bằng văn bản, nội dung đầy đủ các ý kiến thống nhất, không thống nhất, những ý kiến khác.

(11) *Đề xuất giải quyết vấn đề*: Đưa ra nhận định, chính kiến của mình cụ thể, rõ ràng, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề đặt ra và đề xuất, thuyết minh, giải trình, đối chiếu so sánh và đánh giá các ảnh hưởng, tác động và đưa ra các giải pháp giải quyết vấn đề, lựa chọn giải pháp, phương án giải quyết.

(12) Ghi rõ chức danh người có thẩm quyền ký văn bản, quyết định giải quyết vấn đề.

(13) Ghi địa danh và ngày tháng năm trình văn bản.

(14) Người trình (chuyên viên, nhân viên, ...).

(15) Trưởng phòng chuyên môn ghi ý kiến và chịu trách nhiệm về nội dung.

(16) Chánh Văn phòng hoặc Trưởng phòng Hành chính rà soát và chịu trách nhiệm về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5117/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Khu dân cư tại phường Phú Mỹ, Quận 7**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu hồi và giao đất cho Công ty cổ phần đầu tư - xây dựng và Kinh doanh nhà Sài Gòn để đầu tư xây dựng khu nhà ở tại phường Phú Mỹ, Quận 7 thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về ban hành QCVN:01/2008/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5760/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Quận 7;

Căn cứ Quyết định số 4144/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh ranh đất 03 dự án quy hoạch khu dân cư tại phường Phú Mỹ, Quận 7 theo (trong đó có dự án của Công ty cổ phần đầu tư - xây dựng và Kinh Doanh Nhà Sài Gòn);

Căn cứ Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư tại Phường Phú Mỹ, Quận 7;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch-Kiến trúc tại Tờ trình số 3337/TTr-SQHKT ngày 16 tháng 9 năm 2015 về trình duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tại phường Phú Mỹ, Quận 7,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư tại Phường Phú Mỹ, Quận 7 với các nội dung chính như sau:

1. Địa điểm, vị trí, ranh giới và diện tích khu vực quy hoạch

- Vị trí: Khu vực nghiên cứu quy hoạch được xác định theo bản đồ hiện trạng vị trí - cao độ tỷ lệ 1/500 do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 03 tháng 11 năm 2014 theo Hợp đồng số 07296/ĐĐBĐ-VPQ7.

- Ranh giới hạn khu vực quy hoạch được xác định bởi:

+ Phía Đông giáp: Khu dân cư hiện hữu và Công an Quận 7 hiện hữu;

+ Phía Tây giáp: Rạch Rơi;

+ Phía Nam giáp: Khu dân cư (thuộc các dự án quy hoạch);

+ Phía Bắc giáp : giáp dự án khu dân cư của Công ty Cổ phần Vạn Phát Hưng và dự án khu dân cư của Công ty TNHH Xây dựng - Sản xuất - Thương mại Tài Nguyên.

- Diện tích khu đất phù hợp quy hoạch: 354.575,8m².

2. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần đầu tư - xây dựng và kinh doanh nhà Sài Gòn.

3. Đơn vị tư vấn lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết: Công Ty tư vấn thiết kế kiến trúc Không Giới Hạn.

4. Danh mục hồ sơ, bản vẽ đồ án điều chỉnh QHCT tỷ lệ 1/500

- Thuyết minh tổng hợp;
- Thành phần bản vẽ bao gồm:
 - + Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/2000.
 - + Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/500;
 - + Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tỷ lệ 1/500;
 - + Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/500;
 - + Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/500;
 - + Bản đồ quy hoạch giao thông;
 - + Bản đồ quy hoạch chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, tỷ lệ 1/500;
 - + Bản đồ thiết kế đô thị.
 - + Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật tỷ lệ 1/500, bao gồm:
 - . Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt;
 - . Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng;
 - . Bản đồ quy hoạch cấp nước;
 - . Bản đồ thoát nước thải và xử lý chất thải rắn;
 - . Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc.
 - . Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật;
 - . Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược.

5. Quy mô dân số, cơ cấu sử dụng đất, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị toàn khu vực quy hoạch:

5.1. Quy mô dân số: Dự báo quy mô dân số: 11.000 người. Trong đó, dân cư nhóm nhà ở chung cư là 7.681 người; nhóm nhà ở thấp tầng là 3.319 người.

5.2. Cơ cấu sử dụng đất:

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)
I	Đất đơn vị ở	349.365,49	100
1	Đất xây dựng nhà ở	151.309,94	42,31
	+ Đất ở nhà liên kế	67.655,23	19,7
	+ Đất ở nhà biệt thự	27.848,26	7,97
	+ Đất nhóm ở nhà chung cư (gồm chung cư thương mại và chung cư nhà ở xã hội)	55.806,45	15,97
2	Đất công trình công cộng:	36.145,09	10,35
	+ Giáo dục	30.475,92	8,72
	+ Dịch vụ công cộng	5.669,17	1,62
3	Đất thương mại - dịch vụ - văn phòng	16.322,51	4,67
4	Đất cây xanh - mặt nước	36.453,83	10,44
	+ Cây xanh công viên, cảnh quan	21.051,82	6,02
	+ Mặt nước	15.402,01	4,42
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	1.656,88	0,47
6	Đất giao thông	107.477,24	30,76
II	Đất ngoài đơn vị ở	5.210,31	
1	Đất cây xanh bảo vệ hành lang rạch	4.445,01	
2	Mặt nước (rạch Rôi)	765,30	
Tổng cộng		354.575,80	100,00

5.3. Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật:

Số TT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nhiệm vụ phê duyệt	Đề án đề xuất
A	Chỉ tiêu sử dụng đất đơn vị ở	m ² /người	31,40	31,76
1	Đất xây dựng nhà ở	m ² /người	13,76	13,76
2	Đất công trình công cộng:	m ² /người	3,28	3,29
	- Đất giáo dục	m ² /người		2,77

	- Đất dịch vụ công cộng	$m^2/người$		0,52
3	Đất thương mại dịch vụ	$m^2/người$	2,12	1,48
4	Đất cây xanh - mặt nước	$m^2/người$	2,53	3,31
	- Cây xanh công viên	$m^2/người$		1,91
	- Mặt nước	$m^2/người$		1,40
5	Đất giao thông	$m^2/người$	9,71	9,77
B	Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật			
1	Cấp điện	Kwh/người/năm	1500-2000	1500-2000
2	Cấp nước	Lít/người/ngày	180	180
3	Thoát nước bản	Lít/người/ngày	180	180
4	Rác thải và vệ sinh môi trường	Kg/người/ngày	1,3	1,3
C	Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc			
1	Quy mô dân số	người	11.000	11.000
2	Tầng cao tối đa	tầng	30	25
	- Nhà chung cư	tầng	30	25
	- Nhà liên kế	tầng		4
	- Nhà biệt thự	tầng		3
3	Mật độ xây dựng toàn khu	%	31,0	30,6
4	Hệ số sử dụng đất toàn khu	lần	2,72	1,97

6. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

Giải pháp bố cục các khu chức năng trong khu vực quy hoạch theo phương án đề xuất như sau:

6.1. Nhà ở các loại:

6.1.1. Nhà ở chung cư cao tầng:

a. Nhà ở xã hội: Khu đất có ký hiệu CC-1; CC-2:

- Diện tích đất: 30.055,44 m^2 ; trong đó:

+ Khu CC1: 14.006,45 m^2

+ Khu CC2: 16.048,99 m^2

- Mật độ xây dựng (tính trên diện tích đất một khu) :

+ Khối đế (chức năng thương mại - dịch vụ): 40%;

+ Khối tháp (chức năng ở): 30%;

- Tầng cao công trình: 20 tầng (không kể tầng hầm); gồm:

+ Khối đế (chức năng thương mại - dịch vụ): 4 tầng;

- + Khối tháp (chức năng ở): 16 tầng;
- Hệ số sử dụng đất (tính trên diện tích đất một khu): 6,4 lần; trong đó:
 - + Khối đế (chức năng thương mại - dịch vụ): 1,6 lần
 - + Khối tháp (chức năng ở): 4,8 lần
- Khoảng lùi công trình:
 - + So với lộ giới: 6,0 m;
 - + Các ranh đất: 6,0 m;
- Dân số: 4.420 người.

b. Nhà ở thương mại: Khu đất có ký hiệu CC-3; CC-4, CC-5:

- Diện tích đất: 25.751,02 m²; trong đó:
 - + Khu CC3: 8.236,42 m²;
 - + Khu CC4: 7.150,31 m²;
 - + Khu CC5: 10.264,28 m²
- Mật độ xây dựng (tính trên diện tích đất một khu):
 - + Khối đế (chức năng thương mại - dịch vụ): 40%;
 - + Khối tháp (chức năng ở): 25%;
- Tầng cao công trình: 25 tầng (không kể tầng hầm); gồm:
 - + Khối đế (chức năng thương mại - dịch vụ): 5 tầng;
 - + Khối tháp : 20 tầng;
- Hệ số sử dụng đất (tính trên diện tích đất một khu): tối đa 7,0 lần; trong đó:
 - + Khối đế (chức năng thương mại - dịch vụ): 2,0 lần;
 - + Khối tháp (chức năng ở): 5,0 lần;
- Khoảng lùi công trình:
 - + So với lộ giới: 6,0 m;
 - + Các ranh đất: 6,0 m;
- Dân số: 3.261 người.

6.1.2. Nhà ở thấp tầng:

a. Nhà ở liên kế có sân vườn: Các khu đất có ký hiệu từ LK1 ÷ LK8; LK10 ÷ LK13 và một phần khu LK14 (từ lô LK14-01 ÷ LK14-07; KL14-36 ÷ LK14-70):

- Tổng số lô: 548 lô.
- Diện tích đất 1 lô: 90,0 m² - 162,02 m²;
- Mật độ xây dựng: tối đa 75%;
- Tầng cao tối đa: 4 tầng (không kể tầng hầm);

- Hệ số sử dụng đất: 2,98 lần;
- Khoảng lùi:
- + Sân trước: tối thiểu 2,4 m;
- + Sân sau: tối thiểu 1,0 m;
- + Bên hông (lô góc): tối thiểu 2,4 m;
- Dân số: 2.192 người.

b. Nhà ở liên kế có sân vườn (tái định cư - hoán đổi đất theo văn bản số 2825/UBND-QLĐT ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Quận 7): Khu đất có ký hiệu LK9, LK15; và một phần khu LK14 (từ lô LK14-08 đến lô LK14-35):

- Tổng số lô : 138 lô;
- Diện tích đất 1 lô : 90,0 m² -127,0 m²;
- Mật độ xây dựng : tối đa 75%;
- Tầng cao tối đa : 4 tầng (không kể tầng hầm);
- Hệ số sử dụng đất : 2,98 lần;
- Khoảng lùi nhà liên kế:
- + Sân trước : tối thiểu 2,4 m;
- + Sân sau : tối thiểu 1,0 m;
- + Bên hông (lô góc): tối thiểu 2,4 m ;
- Dân số : 552 người.

c. Khu nhà biệt thự đơn lập: Các khu đất có ký hiệu BT-1, BT-2, BT-5:

- Tổng số lô : 59 lô;
- Diện tích đất 1 lô : 245,5 m² -499,71 m²;
- Mật độ xây dựng : tối đa 50%;
- Hệ số sử dụng đất : 1,5 lần;
- Tầng cao công trình : 3 tầng;
- Khoảng lùi công trình:
- + Sân trước : tối thiểu 3,0 m;
- + Sân sau : tối thiểu 2,0 m;

- + Bên hông : tối thiểu 2,0 m;
- Dân số : 295 người.

d. Khu nhà biệt thự song lập: Các khu đất có ký hiệu BT-3, BT-4:

- Tổng số lô : 56 lô;
- Diện tích đất 1 lô : $166,98 \text{ m}^2 \div 258,43 \text{ m}^2$;
- Mật độ xây dựng : tối đa 50%;
- Hệ số sử dụng đất : 1,5 lần;
- Tầng cao công trình : 3 tầng;
- Khoảng lùi công trình:
- + Sân trước : tối thiểu 3,0 m
- + Sân sau : tối thiểu 2,0 m
- + Bên hông : tối thiểu 2,0 m.
- Dân số : 280 người.

6.2. Khu công trình công cộng:

a. Trường tiểu học (ký hiệu GD1):

- Diện tích đất : $12.990,65 \text{ m}^2$
- Mật độ xây dựng : 35 %;
- Hệ số sử dụng đất : 1,05 lần;
- Tầng cao công trình : tối đa 3 tầng;
- Khoảng lùi công trình so với lộ giới : tối thiểu 6,0 m

b. Trường Trung học cơ sở (ký hiệu GD2):

- Diện tích đất : $17.485,27 \text{ m}^2$
- Mật độ xây dựng : 35 %;
- Hệ số sử dụng đất : 1,05 lần;
- Tầng cao công trình : tối đa 3 tầng;
- Khoảng lùi công trình so với lộ giới : tối thiểu 6,0 m

c. Dịch vụ công cộng - nhà văn hóa, giải trí, thể thao:

- Diện tích đất : $5.669,17 \text{ m}^2$

- Mật độ xây dựng : 35 %
- Hệ số sử dụng đất : 1,40 lần
- Tầng cao công trình : 4 tầng
- Khoảng lùi công trình so với lộ giới và ranh đất: 6,0 m

6.3. Khu thương mại dịch vụ: Các khu đất có ký hiệu lô đất từ TM-1 ÷ TM-4:

- Diện tích đất : 16.322,51 m²; trong đó:
 - + Khu TM-1 : 4.220,43m²
 - + Khu TM-2 : 3.450,0m²
 - + Khu TM-3 : 5.366,03m²
 - + Khu TM-4 : 1.286,05m²
- Mật độ xây dựng (tính trên diện tích đất một khu): 50%
- Hệ số sử dụng đất (tính trên diện tích đất một khu): 2,5 lần
- Tầng cao công trình : tối đa 5 tầng
- Khoảng lùi so với lộ giới và ranh đất: 6,0 m

6.4. Các khu công viên cây xanh, vườn hoa:

a. Công viên cây xanh tập trung: Các khu đất có ký hiệu lô đất từ X-1 đến X-10:

- Tổng diện tích đất : 19.920,66 m²; trong đó:
 - + X-1 : 2.769,14 m²
 - + X-2 : 3.209,19 m²
 - + X-3 : 2.748,08 m²
 - + X-4 : 997,16 m²
 - + X-5 : 1.821,60 m²
 - + X-6 : 1.688,00 m²
 - + X-7 : 1.321,31 m²
 - + X-8 : 1.234,03 m²
 - + X-9 : 1.170,93 m²
 - + X-10 : 2.961,23 m²

- Mật độ xây dựng đối với các lô đất X1; X-2; X-3; X-10: 0,5% (các khu cây xanh còn lại không xây dựng công trình).

- Hệ số sử dụng đất : 0,03 lần

- Tầng cao : 1 tầng.

b. Cây xanh cảnh quan: ký hiệu XC.

- Diện tích : 1.131,16m²

6.5. Mặt nước cảnh quan: ký hiệu MN1 ÷ NM4: Tổng diện tích: 16.167,31 m²

6.6. Cây xanh hành lang bảo vệ rạch: 4.445,01 m²

6.7. Mặt nước Rạch Rơi : 765,30 m²

7. Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị:

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị được bố trí đến mạng lưới đường nội bộ như sau:

7.1 Quy hoạch giao thông đô thị:

Số TT	Tên đường	Lộ giới (m)	Chiều rộng (m)			Chiều dài (m)
			Via hè trái	Lòng đường	Via hè phải	
1	N1	12	3	6	3	307
2	N2	12	3	6	3	251
3	D1	12	3	6	3	181
4	D2	12	3	6	3	359
5	D3	12	3	6	3	190
6	D4	12	3	6	3	145
7	D5	12	3	6	3	126
8	N5	12	3	6	3	153
9	N8	12	3	6	3	205
10	Số 15	12	3	6	3	241
11	N6	14	3	8	3	208
12	N7	14	3	8	3	205
13	21A	14	3	8	3	546
14	21B	14	3	8	3	462
15	Số 12	16	3	9	4	343
16	N3	18	3	12	3	164

17	N4	18	3	12	3	168
18	Số 18	18	3	12	3	444
19	D6	18	3	12	3	285
20	N 9A, N 9B	9	3	12	0	388
21	Số 17	20	4	12	4	338
22	Số 6	20	4	12	4	1071
23	Số 14B	20	4	12	4	416
24	Số 4	30	7,5	15	7,5	969

7.2. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt

a. Quy hoạch cao độ nền:

- Tổ chức đắp nền toàn bộ khu quy hoạch tạo mặt bằng xây dựng.
- Chọn cao độ khống chế cho toàn khu là $H \geq 2,00\text{m}$ (hệ VN2000), tính đến phần thấp nhất ở mép đường.
- Cao độ thiết kế tại các điểm giao cắt đường biến đổi từ $H=2,25\text{m}$ đến $H=2,65\text{m}$ và được xác định đảm bảo điều kiện tổ chức giao thông và thoát nước mặt cho khu đất.
- Hướng đồ dốc: từ giữa tiểu khu ra xung quanh và về phía kênh rạch.

b. Quy hoạch thoát nước mặt:

- Giải pháp thoát nước: sử dụng mạng lưới thoát riêng cho nước thải và nước mặt.
- Xây dựng các tuyến cống dọc theo các trục đường giao thông thu gom toàn bộ nước mặt của khu quy hoạch rồi thoát vào hồ điều tiết trong khu quy hoạch và rạch Roi tiếp giáp.
- Cống thoát nước mặt xây mới sử dụng cống bê tông cốt thép đặt ngầm, kích thước cống thay đổi từ $\text{Ø}600\text{mm}$ đến $\text{Ø}1200\text{mm}$, độ dốc cống đảm bảo khả năng tự làm sạch $i \geq 1/D$.
- Cống băng đường sử dụng cống $\text{Ø}400\text{mm}$, độ dốc 2%.
- Lưu ý: Về kỹ thuật tổ chức vượt dốc chuyển đổi cao độ đảm bảo hiệu quả kết nối nền giữa dự án với đường 15B và khu vực xung quanh, cần nghiên cứu đề xuất chi tiết trong giai đoạn thiết kế cơ sở trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định.

7.3. Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị

- Chỉ tiêu cấp điện:

+ Nhà liên kế-căn hộ-biệt thự: 3-4-5 kW/hộ;

+ Mẫu giáo: 0,15 kW/cháu;

+ Thương mại - dịch vụ: 30 W/m².

- Nguồn cấp điện cho khu quy hoạch được lấy trạm 110/15-22KV Nhà Bè.

- Phương án lưới phân phối phù hợp:

+ Xây dựng mới tuyến 22KV dùng cáp đồng 3 lõi cách điện XLPE, chôn ngầm.

+ Mạng lưới hạ thế cấp điện cho các công trình được xây dựng ngầm, tiết diện từ 70mm² đến 240mm².

+ Chiếu sáng giao thông sử dụng đèn cao áp Sodium 250W-220V gắn trên trụ thép mạ kẽm.

7.4. Quy hoạch cấp nước

- Nguồn cấp nước: Sử dụng nguồn cấp nước máy thành phố, dựa vào tuyến ống cấp nước Ø600 trên đường Huỳnh Tấn Phát.

- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt: 180 lít/người/ngày và tổng lưu lượng nước cấp toàn khu: $Q_{\max} = 3.230 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Chỉ tiêu cấp nước chữa cháy: 10 lít/s cho 1 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời cùng lúc là 1 đám cháy.

- Mạng lưới cấp nước: Đầu nối mạng lưới bên trong khu quy hoạch với tuyến ống cấp nước Ø600 trên đường Huỳnh Tấn Phát. Các tuyến ống cấp nước chính được thiết kế theo mạng vòng nhằm đảm bảo an toàn và cung cấp nước liên tục. Từ các vòng cấp nước chính phát triển các tuyến nhánh phân phối nước tới các khu tiêu thụ.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Dựa trên các tuyến ống cấp nước bố trí trụ cứu hoả với bán kính phục vụ 150m nhằm dự phòng khi có sự cố cháy xảy ra.

7.5. Quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn:

a. Thoát nước thải:

- Chỉ tiêu thoát nước thải sinh hoạt: 180 lít/người/ngày và tổng lưu lượng nước thải toàn khu: $Q_{\max} = 2.876 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Giải pháp thoát nước thải:

+ Xây dựng hệ thống công thoát nước thải riêng hoàn toàn. Nước thải phân tiểu phải được xử lý bằng bể tự hoại trước khi thoát vào cống thu nước thải.

+ Nước thải được thu gom và đưa vào hệ thống xử lý nước thải cục bộ của khu quy hoạch. Nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý phải đạt QCVN 14:2008/BTNMT mới được thoát ra môi trường tự nhiên.

- Mạng lưới thoát nước thải: Được thiết kế tự chảy, xây dựng riêng hoàn toàn. Cống dạng tròn, được xây dựng ngầm dưới đất. Các tuyến cống nhánh sẽ đi vuông góc với các tuyến cống chính chạy trên các trục đường.

b. Xử lý chất thải rắn:

- Chỉ tiêu chất thải rắn sinh hoạt: 1,3 kg/người/ngày và tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt là 17,16 tấn/ngày.

- Phương án thu gom và xử lý chất thải rắn: Chất thải rắn được thu gom, phân loại và đưa đến trạm ép rác kín, sau đó vận chuyển về các khu liên hợp xử lý chất thải tập trung của thành phố theo quy hoạch.

7.6. Quy hoạch Thông tin liên lạc:

- Nhu cầu phát triển viễn thông cho khu vực 25 thuê bao/100 dân - Tính toán tổng nhu cầu: 4300 thuê bao.

- Định hướng đầu nối từ trạm thông tin bưu điện hiện hữu trung tâm quận 7 bằng tuyến cáp xây dựng đi ngầm.

- Các tuyến cáp viễn thông dự kiến xây dựng nối từ tủ cáp chính đến các tủ cáp phân phối dùng cáp quang hoặc cáp đồng luồn trong ống PVC đi trong hào cáp đặt ngầm trên vỉa hè.

7.7. Đánh giá môi trường chiến lược:

Các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị:

- Chất thải rắn được phân loại tại nguồn, sau đó được thu gom và vận chuyển đến khu xử lý của Thành phố.

- Nước thải được xử lý qua bể tự hoại và trạm xử lý nước thải cục bộ đáp ứng QCVN 14:2008/BTNMT trước khi xả ra cống thoát nước chung.

- Bố trí diện tích cây xanh nhằm bảo vệ môi trường không khí đạt QCVN 05:2013/BTNMT, tiêu chuẩn tiếng ồn đạt QCVN 26:2010/BTNMT.

- Lồng ghép trong quy hoạch các giải pháp nhằm thích nghi và giảm nhẹ tác động do biến đổi khí hậu, không gây ngập úng trong khu vực quy hoạch. Lưu ý việc san đắp nền và cấp, thoát nước phải tính đến yếu tố thích ứng với biến đổi khí hậu.

7.8. Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống:

Việc bố trí, sắp xếp đường dây, đường ống kỹ thuật có thể thay đổi trong các bước triển khai thiết kế tiếp theo (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công của dự án) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

8. Các nội dung phải lưu ý:

- Việc san lấp rạch (nếu có): Thực hiện theo ý kiến của Sở Giao thông vận tải tại các Công văn số 1109/SGTVT-CTN ngày 09 tháng 02 năm 2015; số 7963/SGTVT-GTT ngày 20 tháng 10 năm 2014; số 435/GT-ĐT ngày 20 tháng 5 năm 2004 về việc xử lý rạch trong đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu nhà ở Phú Mỹ, phường Phú Mỹ, Quận 7.

- Việc xác định mép bờ cao: Thực hiện theo Công văn số 7963/SGTVT-GTT ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Sở Giao thông vận tải về việc thỏa thuận mép bờ cao rạch Rơi tại khu đất dự án khu nhà ở phường Phú Mỹ, Quận 7.

- Điều chỉnh hướng tuyến đường 15B: Thực hiện theo Công văn số 5955/SGTVT-XD ngày 14 tháng 08 năm 2014 của Sở Giao thông vận tải về điều chỉnh hướng tuyến đường 15B (đoạn từ đường Phạm Hữu Lầu đến đường Hoàng Quốc Việt), phường Phú Mỹ, Quận 7;

- Về chiều cao xây dựng công trình, chủ đầu tư cần thực hiện theo Nghị định số 20/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam.

- Về kiến trúc - cảnh quan: Công trình thiết kế cần hài hòa với không gian, kiến trúc cảnh quan xung quanh và đảm bảo kết nối về hạ tầng kỹ thuật với các khu đất lân cận.

- Về phòng cháy chữa cháy và môi trường: Cần đảm bảo thực hiện theo quy định về phòng cháy chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy và Chữa cháy và về quản lý môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Diện tích chỗ để xe tại tầng hầm cần phù hợp Tiêu chuẩn thiết kế và Quy chuẩn xây dựng của Việt Nam.

- Trường hợp ranh giới và quy mô diện tích đất được giao có thay đổi so với diện tích của đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được thẩm định, phê duyệt, chủ đầu tư cần lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chi tiết để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét thẩm định và phê duyệt lại theo quy định.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Công ty Cổ phần đầu tư - xây dựng và Kinh doanh nhà Sài Gòn và đơn vị tư vấn thiết kế chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung nghiên cứu, các số liệu trong hồ sơ, thuyết minh và bản vẽ trình duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư tại Phường Phú Mỹ, Quận 7.

- Công ty Cổ phần Đầu tư -Xây dựng và Kinh doanh nhà Sài Gòn liên hệ Ủy ban nhân dân Quận 7 để được hướng dẫn thực hiện các nghĩa vụ về đất đối với dự án khu nhà ở phường Phú Mỹ, Quận 7 theo Công văn số 2825/UBND-QLĐT ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Quận 7; đồng thời, liên hệ với Sở Công thương, Ủy ban nhân dân Quận 7, Công ty Điện lực Thành phố và các đơn vị liên quan để được hướng dẫn thực hiện việc ngầm hóa các tuyến điện theo quy định làm cơ sở triển khai thực hiện dự án và

- Trên cơ sở đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được phê duyệt này, Công ty cổ phần đầu tư - xây dựng và Kinh doanh nhà Sài Gòn thực hiện lập quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 này và trình Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định, phê duyệt theo quy định.

- Công tác cắm mốc giới theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt này cần thực hiện theo Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố. Trong quá trình tổ chức định vị, xác định cột mốc tại hiện trường, nếu có sai lệch vị trí điểm nối kết hệ thống giao thông của đồ án được duyệt này với các dự án đầu tư xây dựng kế cận hoặc sai lệch hướng tuyến theo đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 được duyệt tại khu vực, chủ đầu tư cần báo cáo Ủy ban nhân dân Quận 7 phối hợp Sở Giao thông vận tải, Sở Quy hoạch - Kiến trúc để hướng dẫn xử lý và điều chỉnh đồ án cho phù hợp trước khi triển khai thi công hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phải đảm bảo sự kết nối đồng bộ giữa hạ tầng kỹ thuật của dự án với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực và các yêu cầu của các cơ quan quản lý chuyên ngành

Điều 3. Quyết định này có đính kèm các bản vẽ, thuyết minh đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư phường Phú Mỹ, Quận 7, được nêu tại khoản 4 Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Công Thương, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phú Mỹ, Quận 7, Công ty cổ phần đầu tư - xây dựng và Kinh doanh nhà Sài Gòn và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng